



VIỆN QUY HOẠCH VÀ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ (UAI)

Số 55 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3628 4230 - Email: uai.dhxd@gmail.com

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ

QUY HOẠCH PHÂN KHU ĐÔ THỊ PHÍA TÂY VÀNH ĐAI 4 - PHÂN ĐOẠN 2 (TỪ NAM SÔNG HỒNG ĐẾN ĐẠI LỘ THĂNG LONG), TỶ LỆ 1/2.000

Địa điểm: thị trấn Phùng và các xã: Hồng Hà, Liên Hồng, Hạ Mỗ, Phương Đình, Thượng Mỗ, Đan Phượng, Tân Hội, Song Phượng – huyện Đan Phượng; các xã: Minh Khai, Đức Thượng, Dương Liễu, Cát Quế, Yên Sở, Đắc Sở, Tiền Yên, Song Phương, Vân Côn - huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội.

Hà Nội, năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ

**QUY HOẠCH PHÂN KHU ĐÔ THỊ PHÍA TÂY VÀNH ĐAI 4 -
PHÂN ĐOẠN 2 (TỪ NAM SÔNG HỒNG ĐẾN ĐẠI LỘ
THĂNG LONG), TỶ LỆ 1/2.000**

**Địa điểm: thị trấn Phùng và các xã: Hồng Hà, Liên Hồng, Hạ Mỗ, Phương Đình,
Thượng Mỗ, Đan Phượng, Tân Hội, Song Phượng – huyện Đan Phượng;
các xã: Minh Khai, Đức Thượng, Dương Liễu, Cát Quế, Yên Sở, Đắc Sở,
Tiền Yên, Song Phương, Vân Côn - huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội.**

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
SỞ QUY HOẠCH – KIẾN TRÚC**

**ĐƠN VỊ TỔ CHỨC
LẬP NHIỆM VỤ QUY HOẠCH
BAN QUẢN LÝ ĐỒ ÁN
QUY HOẠCH KIẾN TRÚC**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
LẬP NHIỆM VỤ QUY HOẠCH
VIỆN QUY HOẠCH
VÀ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ**

Hà Nội, năm 2025

NHIỆM VỤ QUY HOẠCH
PHÂN KHU ĐÔ THỊ PHÍA TÂY VÀNH ĐAI 4 - PHÂN ĐOẠN 2
(TỪ NAM SÔNG HỒNG ĐẾN ĐẠI LỘ THĂNG LONG), TỶ LỆ 1/2000

Địa điểm: thị trấn Phùng và các xã: Hồng Hà, Liên Hồng, Hạ Mỗ, Phương Đình, Thượng Mỗ, Đan Phượng, Tân Hội, Song Phượng – huyện Đan Phượng; các xã: Minh Khai, Đức Thượng, Dương Liễu, Cát Quế, Yên Sở, Đắc Sở, Tiền Yên, Song Phượng, Vân Côn - huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội.

1. PHẦN MỞ ĐẦU

1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch:

Hà Nội là Thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế, giáo dục quan trọng tại Việt Nam, nằm về phía Tây Bắc của trung tâm vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, là đầu mối giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không,...là điều kiện thuận lợi để Thành phố phát triển, tạo động lực đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Theo quy hoạch vùng Thủ đô, Thành phố Hà Nội được xác định là thành phố quốc tế, trong mạng lưới đô thị khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; Trung tâm đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ thúc đẩy phát triển KTXH quốc gia và Vùng phía Bắc; Chia sẻ chức năng sản xuất công nghiệp, dịch vụ với các địa phương thuộc Vùng Thủ đô và đồng bằng sông Hồng; Mở rộng vùng đô thị hóa ra phía Đông và phía Bắc gắn với các trục hướng tâm.

Tại Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 đã xác định mục tiêu đến năm 2030 phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, xanh, thông minh, nơi hội tụ tinh hoa văn hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao, có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực; là trung tâm động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, là cực tăng trưởng có vai trò dẫn dắt kinh tế của cả nước, có tầm ảnh hưởng trong khu vực; là trung tâm kinh tế tài chính lớn; trung tâm hàng đầu về giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; thành phố thanh bình, người dân hạnh phúc.

Theo Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024. Để phù hợp với tiến trình phát triển đô thị trên cơ sở kế thừa và phát triển mô hình đô thị được xác định tại Quy hoạch chung năm 2011, cấu trúc vùng đô thị bao gồm: Chùm đô thị đa cực, đa trung tâm, với 05 vùng đô thị với các vai trò, chức năng và lợi thế riêng nhằm tạo động lực để Thủ đô phát triển xứng tầm vị thế.

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch Phân khu đô thị phía Tây vành đai 4 - phân đoạn 2 (từ Nam sông Hồng đến đại lộ Thăng Long) là khu vực định hướng mở rộng phát triển về phía Tây của vùng đô thị phía Nam sông Hồng (trên địa bàn

huyện Đan Phượng, huyện Hoài Đức) của Thành phố Hà Nội với định hướng phát triển là đô thị phát triển mới, một số khu vực đô thị nén, mô hình TOD tối ưu hóa tầng cao, thiết lập các khu ở hiện đại mật độ cao, tăng quy mô diện tích không gian xanh, các không gian công cộng, từng bước tái cấu trúc đô thị, các khu dân cư cũ, nhằm cải thiện môi trường sống, phát huy hiệu quả sử dụng đất đô thị; tăng các tiện ích công cộng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội,... Đây là khu vực cửa ngõ phía Tây của Đô thị trung tâm theo hướng từ đại lộ Thăng Long, trục Hồ Tây –Ba Vì và đường Tây Thăng Long, kết hợp với các Phân khu đô thị Tây Vành đai 4 đoạn 3, đoạn 4 thành chuỗi đô thị phía Tây Vành Đai 4 thuộc vùng đô thị phía Nam sông Hồng.

Để cụ thể hóa đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Thành ủy về chủ trương triển khai Dự án xây dựng tuyến đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô, Nghị quyết số 56/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án xây dựng tuyến đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô, đáp ứng kịp thời công tác quản lý xây dựng đô thị trên địa bàn; Triển khai thực hiện các chủ trương đầu tư xây dựng, lập quy hoạch chi tiết, các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn huyện Đan Phượng, huyện Hoài Đức việc lập Quy hoạch Phân khu đô thị đối với khu vực phía Tây Vành đai 4 – phân đoạn 2 (từ Nam sông Hồng đến đại lộ Thăng Long) là cần thiết và cấp bách.

1.2. Mục tiêu, yêu cầu lập quy hoạch:

- Cụ thể hóa Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024.

- Mở rộng không gian đô thị ra phía Tây và phía Nam khu vực Tây Vành đai 4 gắn với các trục hướng tâm như đại lộ Thăng Long, trục Hồ Tây –Ba Vì và đường Tây Thăng Long. Phát triển đô thị hiện đại bổ sung các chức năng hạ tầng, kinh tế xã hội. Định hướng phát triển không gian đô thị theo mô hình TOD, nén tại khu vực đầu mối giao thông chính, ga đường sắt đô thị. Hình thành các tổ hợp y tế chất lượng cao, các trung tâm thương mại, phát triển logistics, đầu mối bến bãi đỗ xe. Nghiên cứu hình thành các vùng đệm bảo vệ, kiểm soát sự phát triển đô thị hóa và gia tăng mật độ với các làng xóm hiện hữu. Ưu tiên phát triển không gian công cộng, tạo dựng các trung tâm dịch vụ, thương mại quy mô đô thị vừa đáp ứng nhu cầu của người dân trong đô thị trung tâm, vừa thu hút và cung ứng nhu cầu của khu vực dân cư ngoại thành.

- Cập nhật các đồ án, dự án đã được phê duyệt, đang thực hiện theo chủ trương của các cấp thẩm quyền.

- Dự báo dân số theo quy hoạch.

- Khai thác hiệu quả quỹ đất xây dựng, nâng cao vai trò và phát huy được các tiềm năng của khu vực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của khu vực Tây Vành đai 4 và Thủ đô.

- Xác định hệ thống các khu chức năng, tổ chức không gian, cấu trúc đô thị trong khu vực lập quy hoạch phân khu, đảm bảo phát triển ổn định, bền vững.

- Làm cơ sở tổ chức lập các quy hoạch chi tiết; Đề xuất danh mục các chương trình đầu tư và dự án chiến lược; Kiểm soát phát triển và quản lý đô thị.

1.3. Cơ sở lập quy hoạch:

1.3.1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28/6/2024;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật số 35/2018/QH14; Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BXD ngày 22/9/2023 của Bộ Xây dựng về Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

- Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/4/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD);

- Nghị quyết số 07-NQQ/TU ngày 20/09/2021 của Thành ủy về chủ trương triển khai Dự án xây dựng tuyến đường Vành đai 4 – Vùng thủ đô;

- Nghị quyết số 56/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội về chủ trương triển khai Dự án xây dựng tuyến đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô;

- Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND Thành phố ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Thông báo số 1805-TB/TU ngày 17/07/2024 của Thành ủy Hà Nội thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về việc tổ chức nghiên cứu lập Quy hoạch phân khu đô thị hai bên đường Vành đai 4, lập điều chỉnh các Quy hoạch phân khu đô thị phía Đông đường Vành đai 4 - đoạn đi qua thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

- Quyết định số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 20/08/2024 của UBND Thành phố về việc Bổ sung danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn Thành phố;

- Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 20/08/2024 của UBND Thành phố về việc Bổ sung danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn Thành phố;

- Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND Thành phố về việc phê duyệt dự toán lập Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4 – phân đoạn 2 (từ Nam sông Hồng đến Đại lộ Thăng Long), tỷ lệ 1/2000;

- Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng và quy phạm về quy hoạch xây dựng.

1.3.2. Cơ sở tài liệu, số liệu, bản đồ:

- Hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Hồ sơ đồ án Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Hồ sơ đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

- Các quy hoạch ngành, chuyên ngành, đồ án, dự án đầu tư xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có liên quan.

1.4. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

Theo định hướng Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 Khu vực lập Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4 - phân đoạn 2 (từ Nam sông Hồng đến đại lộ Thăng Long), tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn huyện Đan Phượng, huyện Hoài Đức, nằm trong đô thị phía Tây Vành đai 4 thuộc vùng đô thị phía Nam sông Hồng của Đô thị trung tâm thành phố. Cụ thể:

- *Vị trí:* thị trấn Phùng và các xã: Hồng Hà, Liên Hồng, Hạ Mỗ, Phương Đình, Thượng Mỗ, Đan Phượng, Tân Hội, Song Phượng – huyện Đan Phượng; các xã: Minh Khai, Đức Thượng, Dương Liễu, Cát Quế, Yên Sở, Đắc Sở, Tiền Yên, Song Phương, Vân Côn - huyện Hoài Đức - TP. Hà Nội.

- *Phạm vi ranh giới nghiên cứu:*

+ Phía Bắc trùng chỉ giới tuyến đường nam sông Hồng;

+ Phía Đông giáp ranh giới các Quy hoạch phân khu đô thị S1, S2, S3;

+ Phía Tây trùng ranh giới hành chính huyện Phúc Thọ, huyện Quốc Oai và tiếp giáp đất nông nghiệp huyện Đan Phượng;

+ Phía Nam trùng tìm tuyến đường Đại lộ Thăng Long và ranh giới Tây Vành đai 4 - phân đoạn 3.

- Quy mô:

+ Quy mô diện tích khu đất lập quy hoạch: khoảng 3.086ha.

+ Quy mô diện tích đo đạc (mở rộng hơn so với ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch là 50 m): khoảng 3.304 ha.

+ Dự báo tổng quy mô dân số của khu vực nghiên cứu đến năm 2045 khoảng 200.000 ÷ 250.000 người. (dân số sơ bộ lấy theo Tờ trình số 199 -TTr/BCSD ngày 28/06/2024 của Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố về việc tổ chức nghiên cứu lập Quy hoạch phân khu đô thị hai bên đường Vành đai 4, lập điều chỉnh các Quy hoạch phân khu đô thị phía Đông đường Vành đai 4 – đoạn đi qua thành phố Hà Nội)

(Ranh giới, diện tích, dân số sẽ được xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập Đồ án quy hoạch phân khu, phù hợp với Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 được duyệt).

2. TỔNG QUAN HIỆN TRẠNG KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH PHÂN KHU ĐÔ THỊ:

2.1. Điều kiện tự nhiên:

a) Địa hình:

Địa hình tự nhiên trong phạm vi nghiên cứu phần lớn là đất canh tác nông nghiệp, xen kẽ là các khu dân cư hiện có, không có sông, hồ lớn, chủ yếu là hệ thống kênh rạch và mặt nước nhỏ, địa hình tương đối bằng phẳng, có xu thế thấp dần từ Bắc xuống Nam.

+ Cao độ nền khu vực ruộng canh tác: từ 3,0 – 10,5m.

+ Cao độ nền khu vực dân cư hiện có: từ 5,0 - 12,0m.

b) Khí hậu:

Khu vực nghiên cứu cùng chung với khí hậu của Thành phố Hà Nội, trong vùng bị ảnh hưởng của khí hậu gió mùa:

- Nhiệt độ trung bình là: 23,4°C.

- Nhiệt độ cao nhất trung bình năm: 28,7°C.

- Nhiệt độ thấp nhất trung bình năm: 16,6°C.

- Độ ẩm không khí trung bình năm: 84%.

- Lượng mưa trung bình hàng năm là: 1.670mm.

- Số giờ nắng trung bình năm: 1.640 giờ.

- Khí hậu chia làm 2 mùa rõ rệt:

+ Mùa nóng: từ tháng 4 đến tháng 10, gió chủ yếu là gió Đông Nam, nhiệt độ cao nhất 38°C.

+ Mùa lạnh: từ tháng 11 đến hết tháng 3, gió chủ yếu là gió Đông Bắc; trời rét, khô, nhiệt độ thấp nhất là 8°C.

Mùa mưa, độ ẩm có lúc đạt 100%, độ ẩm trung bình hàng năm là 84,5%; bão thường xuất hiện trong tháng 7 & 8, cấp gió từ 8 - 10, có khi giật đến cấp 12.

c) Địa chất thủy văn, địa chất công trình:

- Địa chất công trình:

Khu vực nghiên cứu chạy dọc sông Đáy - thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng. Do quá trình chuyển động kiến tạo đã qua với các kỷ Permian, Trias, Đệ tam, Đệ tứ; cùng với tác động mạnh mẽ của điều kiện tự nhiên, nhiệt độ, nóng, ẩm, mưa làm phong hoá tạo ra nền địa chất nham thạch, đất đai không đồng nhất trên toàn bộ lưu vực sông. Với các lớp bồi tích, trầm tích, phù sa khá dày thể hiện một bồn địa mới được hình thành, trải qua thời kỳ biển lấn lần 1, lần 2 và thời kỳ phát triển kế thừa, biển lùi, miền trũng vĩnh chuyển sang một thời kỳ bình ổn và lấp đầy tạo ra một đồng bằng rộng lớn ngập nước đó là đồng bằng sông Hồng trong đó có phần thuộc lưu vực sông Đáy.

- Địa chất Thủy văn: Khu vực nghiên cứu chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ thủy văn sông Đáy (Chiều dài sông Đáy qua khu vực nghiên cứu khoảng gần 20km).

Nhìn chung khu vực lập quy hoạch có nền địa hình, địa chất thủy văn và địa chất công trình tương đối tốt; Nền đất khu vực tương đối ổn định.

d) Hệ thống cảnh quan tự nhiên:

Khu vực nghiên cứu phía Tây có sông Đáy chảy qua, là khu vực có nhiều yếu tố cảnh quan đẹp và đa dạng, nhiều kênh mương, hồ, mặt nước nối kết, xen lẫn vùng không gian cây xanh nông nghiệp sinh thái, sẽ đóng vai trò quan trọng để tạo cảnh quan đô thị, phát triển không gian xanh kết hợp dịch vụ du lịch sinh thái theo mô hình công nghệ cao giảm thiểu tác hại cho môi trường.

Hệ thống cảnh quan sông Đáy chảy qua là vị trí thuận lợi phát triển các không gian du lịch ven sông, các tuyến giao thông đường thủy kết hợp du lịch, phát triển không gian theo mô hình sinh thái, bền vững.

Một số di tích đình chùa nằm gắn liền với các thôn xóm, các cụm làng xóm với đặc trưng kiến trúc của vùng Bắc Bộ.

e) Đánh giá chung:

Nhìn chung khu vực có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển đô thị. Cần có giải pháp quy hoạch phù hợp, mang lại hiệu quả các thế mạnh của vùng.

2.2. Sơ bộ tình hình hiện trạng của khu vực nghiên cứu:

- Hiện trạng khu vực nghiên cứu chủ yếu là đất nông nghiệp chiếm phần lớn diện tích. Dân cư hiện có trên địa bàn của huyện Đan Phượng, Hoài Đức là các khu

dân cư tồn tại từ lâu nằm chủ yếu dọc theo sông Đáy và các tuyến đường liên xã, liên huyện, đường quốc lộ,...

- Công trình giáo dục, đào tạo: Hệ thống các trường học: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông tương đối đủ về số lượng và được xây dựng khang trang, các xã, phường đều đã có đủ hệ thống trường học song quy mô còn chưa đảm bảo về đất đai và thiếu các hạng mục so với quy chuẩn.

- Công trình dịch vụ y tế: Tại các xã, phường đều có các trạm y tế, phòng khám với quy mô nhỏ.

- Công trình dịch vụ văn hoá, thể dục thể thao: Trong các xã, phường đều có nhà bưu điện và văn hoá, song nhìn chung đều có quy mô chưa đảm bảo các tiêu chí mới và định hướng phát triển trong tương lai

- Công trình dịch vụ khác: Tại các xã, phường hầu hết đều có chợ,... Tuy nhiên hệ thống các công trình dịch vụ còn phát triển chưa tương xứng với nhu cầu của xã hội, đảm bảo phục vụ nhu cầu của người dân hiện tại và trong tương lai, ngoài ra hệ thống dịch vụ thương mại cấp khu vực còn thiếu và chưa đảm bảo.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: có một số cụm công nghiệp đã, đang triển khai như cụm công nghiệp thị trấn Phùng, cụm công nghiệp Dương Liễu...

- Trong khu vực nghiên cứu có một số dự án đất đầu giá, khu đô thị đang được triển khai như khu đô thị The Phoenix Garden...

Nhận xét: Khu vực nghiên cứu diện tích đất chưa xây dựng chiếm tỷ lệ lớn, là khu vực tiếp giáp nhiều các tuyến đường giao thông trọng điểm, phía Tây giáp sông Đáy, đây là khu vực có cảnh quan đẹp thuận lợi cho việc mở rộng và phát triển đô thị trong tương lai.

3. CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TẠI QUY HOẠCH CHUNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI VÀ CÁC QUY HOẠCH CHUYÊN NGÀNH CÓ LIÊN QUAN:

3.1. Các định hướng chính theo Quy hoạch Vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Phát triển vùng đồng bằng sông Hồng nhanh, bền vững, có cơ cấu kinh tế hợp lý mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc.

- Tập trung phát triển công nghiệp, dịch vụ hiện đại và nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, xanh, tuần hoàn có giá trị kinh tế cao.

- Trung tâm giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao của cả nước.

- Đi đầu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số.

- Có hạ tầng kinh tế xã hội đồng bộ, hiện đại, đô thị thông minh, có tính kết nối cao.

- Tính trạng ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông, ngập úng cơ bản được giải quyết.

- Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Quan hệ đối ngoại mở rộng, hội nhập quốc tế hiệu quả. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, dẫn đầu cả nước.

- Xây dựng Thủ đô Hà Nội ”Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng và cả nước, phấn đấu ngang tầm Thủ đô các nước phát triển trong khu vực.

3.2. Các định hướng chính theo Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đối với khu vực huyện Đan Phượng, Hoài Đức:

a. Huyện Đan Phượng

Là Huyện thuộc đô thị trung tâm mở rộng. Phát triển thương mại - dịch vụ, các khu đô thị mới hiện đại gắn với tuyến Vành đai 4 của Thủ đô.

- Hướng phát triển trọng tâm:

Với vị trí địa lý thuận lợi, nằm trên hành lang kinh tế trọng điểm phía Đông Thủ đô, Huyện Đan Phượng được định hướng phát triển thành một quận nội thành, đóng vai trò quan trọng trong việc chia sẻ chức năng, giảm tải cho khu vực trung tâm thủ đô.

- Không gian khu vực đô thị: (1). Đô thị thuộc chuỗi đô thị phía Đông và hai bên đường Vành đai 4: Tại các khu vực trục hướng tâm, điểm giao cắt, điểm kết nối giao thông công cộng được xác định theo mô hình TOD, phát triển các công trình cao tầng (giảm mật độ xây dựng), tạo điểm nhấn về không gian đô thị, tầng cao giảm dần về các khu vực không gian xanh, vành đai xanh và nêm xanh, gắn với các dịch vụ công cộng chất lượng cao. (2). Đô thị phía Tây vành đai 4: Bao gồm khu vực đô thị Thị trấn Phùng và phụ cận, khu vực mở rộng đô thị hai bên đường vành đai 4. Phát triển đô thị với tính chất của đô thị sinh thái, dịch vụ chất lượng cao như dịch vụ tư vấn đổi mới với khoa học - công nghệ, y tế, giáo dục - đào tạo,... cấu trúc không gian hài hòa giữa hiện đại và truyền thống, hài hòa với cảnh quan, môi trường tự nhiên của huyện.

- Không gian khu vực nông thôn: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái; tiên hành tổ chức lại sản xuất, gắn nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và đô thị theo quy hoạch. Bổ sung các trung tâm cụm xã (bao gồm thương mại, dịch vụ hỗ trợ sản xuất, nhà ở phát triển mới...), chỉnh trang, kết nối với các khu vực đô thị để đáp ứng tiêu chí lên phường và là quỹ đất dự trữ phát triển cho tương lai.

Định hướng phát triển của Huyện Đan Phượng đến năm 2030 là trở thành một quận nội thành hiện đại, văn minh, là đô thị sinh thái, có ngành công nghiệp phát triển và nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Huyện đóng vai trò quan trọng trong việc giảm tải cho trung tâm Thành phố, góp phần xây dựng Thủ đô ngày càng giàu mạnh.

b. Huyện Hoài Đức

Là khu vực thuộc phạm vi đô thị mở rộng của Thủ đô, có hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại, bền vững, có các khu đô thị với các tiện ích xã hội đồng bộ, tiện lợi, có hệ thống công viên cây xanh, các hoạt động dịch vụ, thương mại gắn với phát triển các cụm công nghiệp làng nghề góp phần tạo việc làm và phát triển kinh tế địa phương. Khu vực nông thôn kết nối hài hòa với khu vực đô thị hóa và được bảo tồn, giữ gìn bản sắc gắn với các không gian làng nghề (khu vực nằm ngoài đê tả Đáy) để phục vụ du lịch.

- Hướng phát triển trọng tâm:

Vùng phía Đông đường vành đai 4 sẽ được ưu tiên phát triển thành khu đô thị mới đầy đủ các tiện ích xã hội, công viên cây xanh, trung tâm thương mại – tài chính – ngân hàng và các chức năng đảm bảo phù hợp theo định hướng các quy hoạch phân khu đô thị đã được phê duyệt và các quy hoạch chuyên ngành khác. Đây là khu vực có không gian sầm uất với khu dân cư hiện trạng và khu vực phát triển các khu đô thị mới gồm các tòa nhà văn phòng, căn hộ cao tầng phục vụ nhu cầu sinh sống và làm việc của đông đảo người dân.

Vùng phía Tây đường Vành đai 4 đến Đê tả sông Đáy sẽ phát triển theo hướng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Các khu cụm công nghiệp được hình thành, thu hút đầu tư để tạo việc làm và thúc đẩy kinh tế địa phương. Hệ thống đường giao thông kết nối thuận lợi cũng sẽ được đầu tư đồng bộ.

Vùng phía Tây giáp sông Đáy (Từ Đê tả sông Đáy đến hết địa phận huyện Hoài Đức) sẽ được bảo tồn là không gian nông thôn gắn với các làng nghề truyền thống. Đây là vùng sản xuất nông nghiệp chủ đạo, tuy nhiên các hoạt động du lịch sinh thái, nông thôn được khuyến khích phát triển nhằm nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân. Các di tích lịch sử, văn hóa, làng truyền thống được bảo tồn và khai thác làm điểm nhấn du lịch.

3.3. Các định hướng chính theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội:

a) Định hướng chính:

Khu vực nghiên cứu quy hoạch phát triển mới, đề xuất một số khu vực đô thị nén, mô hình TOD tối ưu hóa tầng cao, thiết lập các khu ở hiện đại mật độ cao, tăng quy mô diện tích không gian xanh và các không gian công cộng tại các khu vực đầu mối giao thông công cộng. Định hướng không gian đô thị theo hướng đô thị nén, cao tầng xung quanh khu vực ga đường sắt đô thị. Hình thành một số trung tâm công cộng, dịch vụ và thương mại tầm cỡ tại khu vực cửa ngõ. Cân đối hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đối với các khu vực ngoài TOD để đảm bảo phát triển một chuỗi các đô thị hiện đại đồng bộ, tiếp cận nội đô thông qua hệ thống đường sắt đô thị trong vòng 15 phút, có sức hút lớn để từng bước giảm mật độ tập trung dân cư trong khu vực nội đô lịch sử.

Phân bổ lại quy mô dân cư một số khu vực, bổ sung quy mô dân số phù hợp với mô hình TOD, đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn, giảm áp lực cho hạ tầng cơ sở đô thị khu vực nội đô lịch sử.

Định hướng không gian đô thị theo hướng đô thị nén, cao tầng xung quanh khu vực ga đường sắt đô thị. Hình thành một số trung tâm công cộng, dịch vụ và thương mại tầm cỡ tại khu vực cửa ngõ.

Khai thác cảnh quan mặt nước tự nhiên sông Đáy hình thành hệ thống công viên cây xanh mặt nước hoàn chỉnh kết nối với hệ thống vành đai xanh, hành lang xanh Thành phố.

Hình thành các vùng đệm bảo vệ xung quanh các làng xóm hiện hữu, kiểm soát sự phát triển đô thị hóa và gia tăng mật độ xây dựng tại các làng xóm hiện hữu. Phát triển hệ sinh thái, cảnh quan trong các khu vực nê xanh nông thôn, vành đai xanh các con sông. Tôn tạo, phát huy giá trị sông, hồ, hình thành các trục không gian xanh, bảo vệ môi trường, cảnh quan, cân bằng môi trường đô thị khu vực nội đô.

Từng bước tái cấu trúc đô thị, các khu vực dân cư cũ thấp tầng, cao tầng nhằm cải thiện môi trường, phát huy hiệu quả sử dụng đất đô thị, tăng các diện tích công cộng, giao thông, hạ tầng, công viên, văn hóa, khu vui chơi, thể dục thể thao,...

b) Chức năng:

Dự kiến các chức năng sử dụng đất chính bao gồm:

- Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị.
- Đất cơ quan trụ sở đô thị.
- Đất trường trung học phổ thông.
- Đất khu dịch vụ đô thị.
- Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đơn vị ở.
- Đất khu dịch vụ cấp đơn vị ở.
- Đất trường THCS, Tiểu học, mầm non.
- Đất nhóm nhà ở.
- Đất Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ.
- Đất bãi đỗ xe.
- Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị.
- Đất di tích, tôn giáo.
- Đất cây xanh sử dụng hạn chế.
- Đất cây xanh chuyên dụng
- Đất dịch vụ du lịch.
- Đất y tế.
- Đất Thể dục thể thao.
- Đất đào tạo, nghiên cứu.
- Đất an ninh.

- Đất quốc phòng.
- Sông, suối, kênh, rạch.
- Nghĩa trang, nghĩa địa.
- Đất đường giao thông.

....

(Các chức năng cụ thể sẽ được xác định trong quá trình lập Đồ án quy hoạch phân khu đô thị phù hợp với đồ án Điều chỉnh QHC Thủ đô Hà Nội đã được duyệt và các quy định hiện hành).

4. NỘI DUNG NHIỆM VỤ QUY HOẠCH PHÂN KHU ĐÔ THỊ

4.1. Các vấn đề chính cần giải quyết trong quy hoạch:

Với những đặc điểm mang tính đặc thù riêng của khu vực nghiên cứu như đi qua nhiều địa bàn, sự phát triển đô thị trên mỗi địa bàn có nhiều sự khác biệt, nên việc nghiên cứu cần đưa ra được định hướng tổng thể, đồng bộ, đảm bảo hài hòa giữa các địa bàn, giữa khu vực hiện đã phát triển đô thị và chưa phát triển đô thị, các dự án phát triển đô thị được triển khai để hình thành một đô thị hiện đại phát triển đô thị bền vững là định hướng quan trọng của đồ án. Vì vậy, các vấn đề chính cần giải quyết như sau:

- Cụ thể hóa các định hướng của Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 được duyệt.

- Phát huy, bảo tồn không gian cảnh quan tự nhiên sông Đáy và các không gian mở có tính kết nối,... Phát triển đô thị bền vững, hài hòa, có các giải pháp ứng phó kịp thời với các tai biến thiên nhiên như lũ lụt, ngập úng,...

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung.

- Xác định các chức năng phù hợp tạo động lực phát triển cho khu vực.

4.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản:

- Quy mô diện tích khu đất lập quy hoạch khoảng 3.086ha.

- Dự báo quy mô dân số đến năm 2045 khoảng 200.000-250.000 người.

a) Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cơ bản:

	Chức năng	Chỉ tiêu đề xuất
-	Đất dân dụng	45-60 m ² /người
-	Đất Đơn vị ở	15-28 m ² /người
	<i>Đất Đơn vị ở khu vực dự kiến phát triển mô hình đô thị sinh thái</i>	<i>≤ 55m²/người</i>
-	Đất dịch vụ-công cộng đô thị	4 - 5 m ² /người
-	Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị	≥7 m ² /người

	Chức năng	Chỉ tiêu đề xuất
-	Chỉ tiêu sử dụng đất các công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị và đơn vị ở phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội được duyệt, tuân thủ QCVN 01:2021/BXD, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và các quy định hiện hành.	

b) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật cơ bản:

	Chức năng	Chỉ tiêu đề xuất
-	Tỷ lệ đất giao thông (tính đến đường phân khu vực)	$\geq 18 \%$
-	Bãi đỗ xe	Tuân thủ theo Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và Hướng dẫn của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 6676/QHKT-HTKT ngày 04/10/2017.
-	Mật độ mạng lưới đường (tính đến đường phân khu vực)	$\geq 10 \text{ km/km}^2$
-	Cấp nước sinh hoạt	$\geq 150 \text{ lít/người-ngày,đêm}$
-	Cấp điện sinh hoạt	0,7 KW/người
-	Nước thải sinh hoạt	$\geq 150 \text{ lít/người-ngày,đêm}$
-	Chất thải rắn sinh hoạt	1,3 Kg/người-ngày

(Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật được áp dụng theo QCVN 01:2021/BXD; Các chỉ tiêu chính xác sẽ được xem xét và có thể điều chỉnh phù hợp đối với từng khu vực cụ thể trong giai đoạn nghiên cứu lập đề án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000, phù hợp với định hướng Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng, Tiêu chuẩn thiết kế và các quy định hiện hành liên quan).

4.3. Các yêu cầu cơ bản đối với việc nghiên cứu lập quy hoạch:

Tuân thủ các quy định tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; Thông tư 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013. Trong đó chú trọng các vấn đề sau:

4.3.1. Yêu cầu về công tác điều tra khảo sát hiện trạng, thu thập tài liệu, số liệu, đánh giá hiện trạng đô thị; yêu cầu về cơ sở dữ liệu hiện trạng:

a) Phân tích vị trí và vai trò của khu vực lập quy hoạch phân khu:

- Lợi thế là khu vực cửa ngõ phía Tây đầu mối về công nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục, giao thông, ... , dịch vụ đa chức năng nhằm hỗ trợ cho các khu vực xung quanh.

- Là khu vực đô thị ngoại vi, thuận lợi cho việc phát triển các loại hình nhà ở, dịch vụ hỗ trợ các khu công nghiệp lân cận.

- Lợi thế về giao thông kết nối trực tiếp với khu vực các huyện phía Tây Thành phố, phía Tây của Thủ đô (huyện Phúc Thọ, Quốc Oai, Thạch Thất,...) qua các tuyến đường Đại lộ Thăng Long, trục Hồ Tây Ba Vì, đường Tây Thăng Long,...

b) Đánh giá điều kiện tự nhiên:

- Địa hình, địa mạo: Xác định địa hình đặc trưng, đánh giá địa hình địa mạo của khu vực theo các tiêu chí về các mức độ thuận lợi cho xây dựng.

- Khí hậu, thủy văn: Xác định các đặc trưng về khí hậu, các yếu tố thủy văn ảnh hưởng đến khu vực, xác định các ảnh hưởng của chế độ thủy triều, dòng chảy, các lưu vực sông Đáy.

- Địa chất thủy văn, địa chất công trình: Xác định các đặc trưng về địa chất công trình tại các khu ngập úng, khu vực sông Đáy.

- Đánh giá điều kiện cảnh quan thiên nhiên: Xác định các đặc thù hiện trạng cảnh quan thiên nhiên của khu vực như: Khu vực cảnh quan hai bên sông Đáy,...

c) Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc, các vấn đề kinh tế xã hội:

- Hiện trạng dân cư: Thu thập số liệu dân cư, nghề nghiệp, các đặc trưng văn hoá làng xã.

- Hiện trạng kinh tế lao động: Hiện trạng ngành nghề của lao động, chỉ số phi nông nghiệp của khu vực.

- Hiện trạng sử dụng đất: Thu thập và đánh giá cơ cấu sử dụng đất hiện nay của khu vực như: Đất ở hiện hữu, đất tái định cư, đất dịch vụ công cộng, ...

- Đánh giá hiện trạng và phân tích hiện trạng hệ thống các công trình hạ tầng xã hội của khu vực lập quy hoạch như: Các công trình nhà ở, cơ quan hành chính, hệ thống trường học, trạm y tế, nhà văn hóa...

- Nhận dạng đặc điểm, nét đặc trưng về môi trường cảnh quan của khu vực.

d) Đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

- Hiện trạng mạng lưới và các công trình giao thông: Các công trình giao thông đối ngoại có liên quan và các công trình giao thông trong khu vực lập quy hoạch gồm: Tuyến đường bộ, đường thủy... quy mô theo các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đầu nối giao thông, phạm vi hành lang an toàn đường bộ, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi công trình...).

- Hiện trạng nền xây dựng, cống thoát nước mưa (về mạng lưới, năng lực tiêu thoát...): Đánh giá khả năng tiêu thoát nước, số lượng, chất lượng của các tuyến cống thoát nước mưa.

- Hiện trạng mạng lưới đường ống cấp nước: Xác định mạng lưới, theo từng tuyến và các công trình cấp nước (về công suất, khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khu vực quy hoạch).

- Hiện trạng nguồn điện, lưới điện từ 0,4KV trở lên và chiếu sáng đô thị: Xác định hướng tuyến, công suất, quy mô của hệ thống đường dây & trạm điện các loại trong khu vực quy hoạch.

- Hiện trạng mạng lưới và các công trình thoát nước thải, điểm thu gom, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang, nhà tang lễ: Đánh giá khả năng tiêu thoát nước, số lượng, chất lượng các trạm xử lý nước thải và các điểm thu gom chất thải rắn trong khu vực.

e) Đánh giá các dự án, đồ án trong khu vực đã và đang triển khai:

- Xác định các chương trình, dự án đã và đang triển khai, các dự án đã thu hồi.

- Đánh giá & nhận xét chung về các chương trình dự án trong khu vực lập quy hoạch.

- Rà soát, cập nhật, khớp nối các quy hoạch trong phạm vi nghiên cứu đã phê duyệt, điều chỉnh từ trước đến nay cho phù hợp.

f) Đánh giá tổng hợp:

- Tổng hợp các vấn đề hiện trạng, phân tích về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) trong khu vực quy hoạch.

- Đề xuất toàn diện các vấn đề cần giải quyết và các ưu điểm cần phải khai thác làm cơ sở xây dựng phương án phát triển khu vực hài hòa và bền vững.

4.3.2. Đề xuất giải pháp quy hoạch phân khu đô thị:

a) Cơ cấu phân khu chức năng:

Xác định các nguyên tắc phù hợp định hướng của đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội, tính chất chức năng cho từng khu vực, sự liên kết các khu chức năng bằng đường bộ hoặc thủy. Xác định các lối vào chính, các hướng bố cục chính của khu vực.

b) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho phân khu đô thị: Quy mô dân số, diện tích đất, mật độ xây dựng tối đa, tối thiểu) và tầng cao công trình (tối đa, tối thiểu) đối với từng ô phố (xác định bởi đường khu vực). Quy định chỉ giới xây dựng, khoảng lùi cho các công trình, tuyến phố.

c) Tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan:

Xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với khu vực phát triển đô thị mới, làng xóm đô thị hóa, dọc các trục đường chính, các khu vực không gian mở, các công trình điểm nhấn để đảm bảo nét đặc trưng của khu vực theo định hướng của đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thủ đô Hà Nội.

d) Thiết kế đô thị:

Các công trình cần được thiết kế theo hướng hiện đại, áp dụng các công nghệ mới trong thiết kế công trình, tiết kiệm năng lượng... xác định hoặc quy định khoảng lùi công trình đối với các trục đường, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn

hiện hành. Nội dung và hồ sơ thiết kế đô thị tuân thủ quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị.

e) Không gian ngầm đô thị:

Đề xuất vị trí các khu vực xây dựng ngầm, các công trình công cộng ngầm (nếu có).

f) Xác định nguyên tắc phân bổ quỹ đất, quỹ nhà ở dành cho phát triển nhà ở xã hội:

Theo quy định tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

g) Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông: Xác định mạng lưới giao thông đến cấp đường phân khu vực, mặt cắt ngang đường; chỉ giới đường đỏ và quy định chỉ giới xây dựng. Cụ thể hóa quy hoạch chung về vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe (trên cao, mặt đất, ngầm); vị trí các điểm trung chuyển hành khách công cộng, các điểm dừng đỗ xe buýt (nghiên cứu bố trí một số điểm trung chuyển dành cho xe buýt công cộng, taxi nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối các phương thức vận tải hành khách) đảm bảo các yếu tố kỹ thuật theo quy hoạch và Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam; tuyến và ga đường sắt đô thị (nếu có), bến tàu - cảng sông (nếu có).

- Cao độ nền và thoát nước mặt: Đánh giá về địa hình, địa chất; lựa chọn và xác định cao độ xây dựng phù hợp với quy hoạch chung; các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật; thiết kế san nền (đường đồng mức thiết kế) và tính toán khối lượng đào đắp; xác định lưu vực và phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước, hệ thống đường cống thoát nước mặt, vị trí các công trình xử lý nước mưa (nếu có); Xác định hệ thống thoát nước và hồ điều hòa trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch.

- Cấp nước: Xác định nhu cầu dùng nước cho từng ô phố và nguồn cấp nước; Vị trí, quy mô, mạng lưới đường ống cấp nước, cấp nước chữa cháy và các thông số kỹ thuật.

- Thoát nước thải và vệ sinh môi trường: Xác định tổng lượng nước thải cho từng ô phố và rác thải; mạng lưới thoát nước; Vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn, nhà tang lễ (nếu có); Xác định giải pháp quy hoạch nghĩa trang.

- Cấp điện: Xác định nhu cầu sử dụng cho từng ô phố và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế, các trạm hạ thế và hệ thống chiếu sáng đô thị; Xác định quy mô, địa điểm các cửa hàng xăng dầu.

- Hạ tầng viễn thông thụ động: Xác định nhu cầu thông tin liên lạc từng ô phố, tổng nhu cầu và mạng lưới.

h) Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường:

Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; điều kiện tự nhiên; chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn...; các vấn đề xã hội, văn hoá, cảnh quan thiên nhiên; phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch; đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị. Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

j) Kinh tế đô thị:

Xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư; Đề xuất, kiến nghị các cơ chế huy động và tạo nguồn lực thực hiện.

k) Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu được duyệt:

Nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị và có các bản vẽ khổ A3 kèm theo.

5. HỒ SƠ SẢN PHẨM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ

5.1. Hồ sơ sản phẩm:

Thành phần hồ sơ và nội dung đồ án thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn. Cụ thể:

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Tỷ lệ
A	Phần bản vẽ		
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất	QH-01	1/10.000- 1/25.000
2	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc, cảnh quan.	QH-02	1/2000
3	Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường.	QH-03	1/2000
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất.	QH-04	1/2000
5	Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan.	QH-05	1/2000
6	Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng.	QH-06	1/2000
7	Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật	QH-07	1/2000
8	Bản đồ quy hoạch cấp nước	QH-08	1/2000
9	Bản đồ quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng đô thị.	QH-09	1/2000
10	Bản đồ quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động	QH-10	1/2000
11	Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn	QH-11	1/2000
12	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	QH-12	1/2000

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Tỷ lệ
13	Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm (nếu có)	QH-13	Tỷ lệ thích hợp
14	Các bản vẽ thiết kế đô thị	QH-14	Tỷ lệ thích hợp
B	Phần thuyết minh		
15	Thuyết minh tổng hợp (kèm theo các văn bản pháp lý, các bản vẽ thu nhỏ ở tỷ lệ thích hợp)		
16	Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt đồ án		
17	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.		

5.2. Dự toán kinh phí:

- Kinh phí lập quy hoạch được thực hiện theo Thông tư số 20/2019/TT- BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí Quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Kinh phí đo đạc theo dự toán được cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

6. KẾ HOẠCH VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

6.1. Thời gian lập quy hoạch:

- Thực hiện từ khi có đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định gồm: các văn bản, giấy tờ có liên quan, bản đồ đo đạc hiện trạng đủ điều kiện, tỷ lệ 1/2.000 và Nhiệm vụ quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Thời gian hoàn thành: Không quá 09 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn lập quy hoạch (*không kể thời gian lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan và thời gian trình các cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt*).

6.2. Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị tổ chức lập Nhiệm vụ quy hoạch và Đồ án Quy hoạch phân khu: Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội.

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn theo quy định.

- Cơ quan thẩm định: Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội.

- Cơ quan phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch và Đồ án Quy hoạch phân khu: UBND Thành phố Hà Nội.

6.3. Nội dung hình thức và đối tượng lấy ý kiến đồ án quy hoạch phân khu:

*** Nội dung:**

- Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch phân khu đô thị.

- UBND các huyện: Đan Phượng, Hoài Đức; thị trấn Phùng và các xã: Hồng Hà, Liên Hồng, Hạ Mỗ, Phương Đình, Thượng Mỗ, Đan Phượng, Tân Hội, Song Phượng – huyện Đan Phượng; các xã Minh Khai, Đức Thượng, Dương Liễu, Cát Quế, Yên Sở, Đắc Sở, Tiền Yên, Song Phương, Vân Côn - huyện Hoài Đức có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc trong việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch phân khu đô thị.

- Trong quá trình lập đồ án quy hoạch, các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ, có giải trình, tiếp thu và báo cáo bằng văn bản với cấp có thẩm quyền xem xét trước khi trình phê duyệt.

*** Hình thức lấy ý kiến:**

- Việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện bằng 1 trong 2 hình thức: Gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch phân khu đô thị được thực hiện bằng hình thức trưng bày công khai hoặc giới thiệu phương án quy hoạch. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp các phiếu ý kiến của cộng đồng dân cư có liên quan theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 15 ngày đối với cơ quan; 30 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

*** Đối tượng lấy ý kiến:**

Đối tượng lấy ý kiến dự kiến bao gồm các cơ quan, tổ chức: UBND huyện Đan Phượng, UBND huyện Hoài Đức; các Sở, Ban ngành thành phố Hà Nội; đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn thị trấn Phùng và các xã: Hồng Hà, Liên Hồng, Hạ Mỗ, Phương Đình, Thượng Mỗ, Đan Phượng, Tân Hội, Song Phượng – huyện Đan Phượng; các xã: Minh Khai, Đức Thượng, Dương Liễu, Cát Quế, Yên Sở, Đắc Sở, Tiền Yên, Song Phương, Vân Côn - huyện Hoài Đức.

7. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Việc lập Nhiệm vụ “ Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4 - phân đoạn 2 (từ Nam sông Hồng đến Đại lộ Thăng Long), tỷ lệ 1/2000” sẽ cụ thể hóa các định hướng cũng như yêu cầu của đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 được phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Đảm bảo các căn cứ pháp lý và cơ sở khoa học cũng như các điều kiện nhu cầu thực tiễn phát triển của khu vực. Đồng thời đáp ứng được nhiệm vụ và chủ trương phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô, làm cơ sở để thu hút các nhà đầu tư lập các dự án đầu tư góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn. Đồng thời là cơ sở pháp lý để quản lý, kiểm soát phát triển không gian khu vực phía Tây, Tây Nam khu vực đô thị phía Nam sông Hồng thuộc đô thị trung tâm thành phố Hà Nội.

Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc kính trình UBND Thành phố Hà Nội, các Sở, Ban ngành và địa phương xem xét, thẩm định và phê duyệt Nhiệm vụ “Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4 - phân đoạn 2 (từ Nam sông Hồng đến Đại lộ Thăng Long), tỷ lệ 1/2000” làm cơ sở pháp lý để sớm triển khai công tác lập đồ án quy hoạch phân khu theo quy định./.

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

Số: 4343 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 16/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND Thành phố ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 1973-TB/TU ngày 31/5/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy về dự thảo Đề án đầu tư xây dựng các huyện: Đông Anh, Đông Anh, Thanh Trì, Đan Phượng thành quận;

Căn cứ Thông báo số 1805-TB/TU ngày 17/7/2024 của Thành ủy Hà Nội thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về tổ chức nghiên cứu lập Quy hoạch phân khu đô thị hai bên đường Vành đai 4, lập điều chỉnh các Quy hoạch phân khu đô thị phía Đông đường Vành đai 4 - đoạn đi qua thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của UBND huyện Đông Anh tại Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 03/6/2024; Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Văn bản số 3551/QHKT-(KHTH+BSH) ngày 09/8/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố: 02 đồ án, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Giao Sở Tài chính bố trí kinh phí lập các quy hoạch phân khu nêu trên theo đúng quy định.

Điều 2: Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc thực hiện và các nội dung về phân

công nhiệm vụ tổ chức thực hiện của các tổ chức, cá nhân, chế độ báo cáo...: Thực hiện theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 của UBND Thành phố phê duyệt danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố.

(Chi tiết danh mục, đơn vị thực hiện, tiến độ dự kiến... kèm theo tại Phụ lục)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch – Kiến trúc, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện: Thường Tín, Thanh Oai, Hoài Đức, Đan Phượng, Mê Linh, Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn; Chủ tịch UBND quận Hà Đông; Giám đốc Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc trực thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Thường trực Thành ủy (để b/c);
 - Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
 - Các PCT UBND Thành phố;
 - VP UBND TP: CVP, các PCVP,
 - Các phòng: TH, ĐT;
 - Lưu VT, ĐT. *wh*
- 51335

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Đức Tuấn

DANH MỤC QUY HOẠCH ĐỀ XUẤT BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn) theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2024 của UBND Thành phố Hà Nội)

Stt (1)	Tên đề án, dự án, công trình (2)	Địa điểm (4)		Quy mô (ha) (5)	Trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch (6)	Nguồn vốn (10)	Thời gian dự kiến		Cấp phê duyệt đồ án (9)	Ghi chú (11)
		Phường/xã	Quận/huyện				Bắt đầu (7)	Hoàn thành (8)		
1	Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4 (khu vực bên ngoài vành đai 4 và một phần phía Đông Vành đai 4), gồm 04 phân đoạn:	1/2000		16.343	Ban Quản lý đồ án Quy hoạch kiến trúc (trực thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội)	Ngân sách TP	2024	2025	UBND Thành phố	Tên gọi, phạm vi nghiên cứu, quy mô diện tích đất, dân số cụ thể được xác định tại Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu được cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo phù hợp Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến 2065
-	<i>Phân đoạn 1 (Bắc sông Hồng)</i>		<i>Các xã: Hiền Ninh, Thanh Xuân, Tân Dân huyện Sóc Sơn; các xã: Kim Hoa, Thanh Lâm, Thạch Đà, Hoàng Kim, Tam Đồng, Văn Khê huyện Mê Linh</i>	<i>3.300</i>						
-	<i>Phân đoạn 2 (Từ Nam sông Hồng đến đại lộ Thăng Long)</i>		<i>Thị trấn Phùng và các xã Hồng Hà, Hạ Mỗ, Song Phương, huyện Đan Phượng; các xã: Cát Quế, Tiên</i>	<i>3.445</i>						

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND Thành phố về việc bổ sung Danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND Thành phố ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 phê duyệt danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND Thành phố về Bổ sung danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 6176/TTr-UBND ngày 31/12/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về việc bổ sung Danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố đối với đồ án Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4 (khu vực bên ngoài vành đai 4 và một phần phía Đông Vành đai 4), chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày

20/8/2024 của UBND Thành phố.

Điều 2: Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc thực hiện và các nội dung về phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện của các tổ chức, cá nhân, chế độ báo cáo...: Thực hiện theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 của UBND Thành phố phê duyệt danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố.

(Chi tiết danh mục, đơn vị thực hiện, tiến độ dự kiến... kèm theo tại Phụ lục)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc, thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các huyện: Thường Tín, Thanh Oai, Hoài Đức, Đan Phượng, Mê Linh, Sóc Sơn; Chủ tịch UBND quận Hà Đông; Giám đốc Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc) và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- Các PCT UBND Thành phố;
- VP UBTP: CVP, các PCVP,
Các phòng: TH, TNMT, ĐT;
- Lưu VT, ĐTLTA;

107

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Đức Tuấn

PHẦN DUYỆT ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC ĐỀ XUẤT BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH QUY HOẠCH
Khu vực phía Tây Quận Hoàn Kiếm, Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2025 của UBND thành phố Hà Nội)



Stt	Tên quy hoạch	Địa điểm		Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện (dự kiến)		Cấp phê duyệt đồ án	Ghi chú	
		Phường/xã	Quận/huyện				Bắt đầu	Hoàn thành			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4 - Phần đoạn 1 (Bắc sông Hồng)	1/2000	Các xã: Hiền Ninh, Thanh Xuân, Tân Dân huyện Sóc Sơn; các xã: Kim Hoa, Thanh Lâm, Thạch Đà, Hoàng Kim, Tam Đồng, Văn Khê huyện Mê Linh	Huyện Sóc Sơn và huyện Mê Linh.	3.300	Ban Quản lý đồ án Quy hoạch kiến trúc (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội)	Ngân sách TP	2025	2025	UBND Thành phố	Tên gọi, phạm vi nghiên cứu, quy mô diện tích lập quy hoạch sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu được cấp thẩm quyền phê duyệt.
2	Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4 - Phần đoạn 2 (Từ Nam sông Hồng đến đại lộ Thăng Long)	1/2000	Thị trấn Phùng và các xã Hồng Hà, Hạ Mỗ, Song Phương, huyện Đan Phượng; các xã: Cát Quế, Tiên Yên, Đức Thượng, Minh Khai, Dương Liễu, Cát Quế, Yên Sở, Đắc Sở, Tiên Yên, Văn Côn, huyện Hoài Đức	Huyện Đan Phượng và huyện Hoài Đức	3.100	Ban Quản lý đồ án Quy hoạch kiến trúc (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội)	Ngân sách TP	2025	2025	UBND Thành phố	Thời gian lập quy hoạch theo quy định của pháp luật hiện hành
3	Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4 - Phần đoạn 3 (Từ Đại lộ Thăng Long đến trục đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên)	1/2000	Các phường Đông Mai, Yên Nghĩa, quận Hà Đông; các xã Đông La, Văn Cón, An Thượng, Đông La, huyện Hoài Đức; các xã Bích Hòa, Bình Minh, Cự Khê, Tam	Quận Hà Đông và các huyện Hoài Đức, Thanh Oai	4.980	Ban Quản lý đồ án Quy hoạch kiến trúc (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội)	Ngân sách TP	2025	2025	UBND Thành phố	

Stt	Tên quy hoạch	Tỷ lệ	Địa điểm		Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện (dự kiến)		Cấp phê duyệt đồ án	Ghi chú
			Phường/xã	Quận/huyện				Bắt đầu	Hoàn thành		
4	Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4 - Phần đoạn 4 (Từ tuyến đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên đến đê sông Hồng)	1/2000	Các xã: Hoà Bình, Liên Phương, Văn Tảo, Hồng Vân, Hà Hồi, Quất Động và thị trấn Thường Tín	Huyện Thường Tín	4.900	Ban Quản lý đô án Quy hoạch kiến trúc (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội)	Ngân sách TP	2025	2025	UBND Thành phố	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 516/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán lập Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4
- Phân đoạn 2 (từ Nam sông Hồng đến Đại lộ Thăng Long), tỷ lệ 1/2000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí Quy hoạch xây dựng và Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND Thành phố ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của UBND Thành phố quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội;



Căn cứ Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND Thành phố về việc Bổ sung danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND Thành phố về việc Bổ sung danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc tại Tờ trình số 04/TTr-BQLDA ngày 16/01/2025 và Báo cáo thẩm định của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Báo cáo thẩm định số 295/BC-QHKT-KHTH ngày 22 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán lập Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4 - Phân đoạn 2 (từ Nam sông Hồng đến Đại lộ Thăng Long), tỷ lệ 1/2000 với nội dung như sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4 - Phân đoạn 2 (từ Nam sông Hồng đến Đại lộ Thăng Long), tỷ lệ 1/2000.

2. Phạm vi ranh giới, quy mô.

- Khu vực lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính các huyện: Đan Phượng (thị trấn Phùng, các xã Hồng Hà, Hạ Mỗ, Song Phương); Hoài Đức (các xã Cát Quế, Tiền Yên, Đức Thượng, Minh Khai, Dương Liễu, Yên Sở, Đắc Sở, Vân Côn). Ranh giới Phía Bắc giáp phân khu đô thị R1; Phía Đông giáp phân khu đô thị S1, S2, S3; Phía Nam giáp quy hoạch phân khu (từ Đại lộ Thăng Long đến trục Ngọc Hồi - Phú Xuyên); Phía Tây giáp đất nông nghiệp huyện Đan Phượng, huyện Phúc Thọ, huyện Quốc Oai.

- Quy mô lập quy hoạch đề xuất: Khoảng 3.100 ha.

(Tên gọi, ranh giới, quy mô sẽ được xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch).

3. Nội dung và giá trị dự toán chi phí lập Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây Vành đai 4 - Phân đoạn 2 (từ Nam sông Hồng đến Đại lộ Thăng Long), tỷ lệ 1/2000:

a) Nội dung chi phí dự toán gồm: Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch; chi phí lập đồ án quy hoạch; chi phí thẩm định nhiệm vụ, thẩm định đồ án quy hoạch; chi phí quản lý nghiệp vụ; chi phí tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư; chi phí công bố quy hoạch; chi phí thực hiện công tác thầu (lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu phục vụ gói thầu lập đồ án quy hoạch).

b) Giá trị dự toán: 5.832.127.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn đồng chẵn). Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này. Dự toán chi phí (đã bao gồm thuế VAT) làm cơ sở để đơn vị tổ chức thực hiện các nội dung công việc. Giá trị chính xác được xác định khi thực hiện thanh quyết toán theo thực tế các hạng mục công việc.

c) Nguồn kinh phí: Ngân sách Thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

a) Lập kế hoạch chi tiết để triển khai các nội dung công việc và chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp lệ về nội dung công việc, dự toán đề xuất với thực tế triển khai thực hiện. Việc nghiệm thu và quyết toán căn cứ theo khối lượng thực tế và phải có đầy đủ hồ sơ liên quan theo quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước và Thành phố (biên bản nghiệm thu, bảng chấm công, hóa đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ...).

b) Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác cũng như tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu trong hồ sơ nhiệm vụ dự toán. Quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và đúng quy định hiện hành.

c) Đối với một số chi phí khác (văn phòng phẩm, in tài liệu, hồ sơ, hội họp...) là tạm tính và được chuẩn xác khi triển khai thực hiện thanh quyết toán theo thực tế các hạng mục công việc.

d) Các nội dung liên quan đến thiết kế kỹ thuật - dự toán chi phí đo vẽ bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng, Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND Thành phố.

2. Các sở, ngành, đơn vị: Quy hoạch - Kiến trúc, Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước Thành phố và các đơn vị liên quan hướng dẫn đơn vị tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch theo đúng quy định pháp luật; Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc, thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố; Giám đốc Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc (Sở Quy hoạch - Kiến trúc); Chủ tịch UBND các huyện: Đan Phượng, Hoài Đức và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố: (để b/c)
- Các PCT UBND Thành phố;
- VP UBTP: CVP, các PCVP;
- Các phòng: TH, KTTH, ĐTTG
- Lưu: VT, ĐTLTA;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Đức Tuấn

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng
giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Văn bản hợp nhất Luật Quy hoạch đô thị số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;

Văn bản hợp nhất Luật Xây dựng số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội.

Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2020);

Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật quy hoạch;

Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Quyết định 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội;

Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 về đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 về chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của UBND Thành phố quy định về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án và quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;

Văn bản đề xuất của các quận, huyện, thị xã và Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội về việc lập các đồ án quy hoạch giai đoạn 2021÷2025.

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch-Kiến trúc tại Văn bản số 709/QHKT-KHTH ngày 21/02/2022 về việc hoàn chỉnh và đề nghị phê duyệt danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố; Chi tiết tại phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc thực hiện

1. Mục đích

Xây dựng danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố gắn liền với bố trí nguồn vốn để tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công.

Tiếp tục cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thông qua xây dựng danh mục các đề án quy hoạch để phù hợp quy hoạch theo thứ tự, tầng bậc tại các khu vực ổn định. Từ đó xác định các đề án trọng tâm, phù hợp thực hiện năm 2021-2022 phục vụ yêu cầu quản lý của chính quyền các cấp và đầu tư xây dựng nhằm mục tiêu hoàn thành đồng bộ và phù hợp 100% quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt.

Hoàn thiện công cụ quản lý quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phục vụ yêu cầu quản lý đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, thúc đẩy kinh tế xã hội của địa phương cũng như của Thủ đô Hà Nội theo đúng định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phân công trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch cho từng đơn vị gắn với trách nhiệm bố trí nguồn vốn cho chính quyền các cấp, tuân thủ quy định hiện hành của nhà nước và Thành phố.

Thúc đẩy kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực, chất lượng chuyên môn phòng quản lý đô thị thuộc UBND cấp huyện, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong lĩnh vực quản lý quy hoạch kiến trúc và đầu tư xây dựng của Thành phố.

2. Yêu cầu

Các loại hình quy hoạch, quy chế trong kế hoạch phải phù hợp với trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và thẩm quyền phê duyệt quy định tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật Kiến trúc. Phù hợp với yêu cầu quản lý quy hoạch kiến trúc của Thành phố.

Tăng cường tỷ lệ phù hợp quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý kiến trúc theo tầng bậc, phù hợp với yêu cầu, quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật xây dựng, Luật Kiến trúc, các nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan.

Đảm bảo không chồng lấn ranh giới, trùng lặp khối lượng các đề án đề xuất với các đề án được giao từ năm 2020 trở về trước; nâng cao tính khả thi, tiết kiệm kinh phí, phát huy hiệu quả của đề án sau khi phê duyệt. Các đề án cùng tỷ lệ, cấp độ, đang trong giai đoạn nghiên cứu hoặc đã được cấp thẩm quyền phê duyệt phải được cập nhật, lồng ghép, tính toán để giảm trừ chi phí theo quy định, phù hợp với thực tiễn.

Thống nhất nguồn vốn lập quy hoạch gắn với trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch. Không sử dụng vốn ngân sách cho các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh.

Trong bối cảnh hiện nay, điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đang được Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội, Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức lập (theo chủ trương được Chính phủ chấp thuận và các kế hoạch, quyết định của UBND Thành phố) song song với việc tiếp tục triển khai cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 ở các đô thị vệ tinh và một số quy hoạch phân khu nội đô, do đó

kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố cần được nghiên cứu, tổ chức lập tại các khu vực ổn định, khả năng ít bị tác động bởi điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung Thủ đô để đảm bảo việc hoàn thành phê duyệt các quy hoạch cũng như phát huy hiệu quả trong thực tiễn sau khi quy hoạch được duyệt (nội dung này đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc yêu cầu các UBND các quận, huyện, thị xã trong quá trình đề xuất, xây dựng danh mục).

3. Nguyên tắc thực hiện:

Do tính chất đặc thù của công tác quy hoạch, báo cáo đề xuất của các đơn vị cũng như trong điều kiện các quy định có liên quan còn đang được cấp thẩm quyền hoàn chỉnh, chưa được ban hành đầy đủ, do đó trong quá trình thực hiện, đối với các đồ án có trong danh mục mà đủ điều kiện xác định sự phù hợp, tuân thủ các quy định hiện hành về: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền, sự cần thiết, phù hợp với quy hoạch cấp trên, quy mô, nguồn vốn lập quy hoạch thì các đơn vị được giao tiến hành tổ chức thực hiện (các nội dung có thay đổi nhỏ thì báo cáo cấp thẩm quyền trong giai đoạn trình duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch); các đồ án xét thấy chưa đáp ứng được yêu cầu nêu trên thì các đơn vị được giao lập có trách nhiệm đề xuất, báo cáo, gửi Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tham mưu, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định việc tổ chức thực hiện hoặc điều chỉnh loại bỏ khỏi kế hoạch này.

Các đồ án khác phát sinh ngoài danh mục, kế hoạch do nhu cầu quản lý quy hoạch kiến trúc thực tế của từng, đơn vị địa phương sẽ được Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, bổ sung.

Về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng đối với các tuyến đường giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của Thông tư 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng: Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì phối hợp với các Sở chuyên ngành, UBND các quận, huyện lập kế hoạch cấm mốc các tuyến đường giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật báo cáo UBND Thành phố phê duyệt theo quy định (không bao gồm các công trình sẽ được đầu tư xây dựng theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố).

Các đơn vị được giao thực hiện các quy hoạch, thiết kế đô thị... từ năm 2020 trở về trước phải tập trung hoàn thành dứt điểm, trình cấp thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch được giao. Việc xem xét tổ chức lập các quy hoạch trong kế hoạch này phải được xem xét khả năng thực hiện của đơn vị được giao tổ chức lập.

Sau khi Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô được phê duyệt, căn cứ chỉ đạo của cấp thẩm quyền, quy định của pháp luật hiện hành, Sở Quy hoạch - Kiến trúc sẽ nghiên cứu, đề xuất, báo cáo UBND Thành phố xem xét ban hành kế hoạch riêng để tổ chức lập các quy hoạch cấp dưới, cụ thể hóa quy hoạch chung được duyệt.

4. Nội dung danh mục kế hoạch thực hiện

Trên cơ sở mục đích, yêu cầu, định hướng chung nêu trên; căn cứ danh mục các đồ án thực hiện giai đoạn 2021÷2025 do UBND các quận, huyện, thị xã, Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội đề xuất được Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì tổng hợp, danh mục kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 gồm 236 đồ án, nhóm đồ án, cụ thể như sau:

- (1). Quy hoạch chung đô thị (01 đồ án).
- (2). Quy hoạch phân khu đô thị (04 đồ án).
- (3). Quy hoạch chi tiết đô thị (146 đồ án, nhóm đồ án).
- (4). Thiết kế đô thị riêng (34 đồ án, nhóm đồ án).
- (5). Quy hoạch xây dựng vùng huyện (14 đồ án).
- (6). Quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng (18 đồ án, nhóm đồ án).
- (7). Quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng (10 đồ án, nhóm đồ án).
- (8). Quy hoạch nông thôn (gồm 2 nhóm đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã; QHCT trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn: Thực hiện theo yêu cầu quản lý thực tiễn của các địa phương).
- (9). Quy chế quản lý kiến trúc, danh mục công trình kiến trúc có giá trị (02 nhóm công việc, thực hiện theo kế hoạch riêng).
- (10). Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật (05 đồ án, nhóm đồ án).

(Chi tiết danh mục, đơn vị thực hiện, tiến độ dự kiến... kèm theo tại Phụ lục).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố phân công đồng chí Dương Đức Tuấn, Phó Chủ tịch UBND Thành phố chỉ đạo các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã thực hiện Kế hoạch này.

2. Sở Quy hoạch - kiến trúc:

Theo chức năng, nhiệm vụ, Sở Quy hoạch Kiến trúc là cơ quan thường trực, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị thực hiện Kế hoạch này.

Báo cáo tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện sau khi kết thúc thời gian thực hiện Kế hoạch; kiến nghị, đề xuất UBND Thành phố. Tổng hợp, tham mưu Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy về kết quả thực hiện Kế hoạch theo yêu cầu.

3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: Xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, báo cáo quận ủy, huyện ủy, thị ủy để lãnh đạo, chỉ đạo các hệ thống chính trị phối hợp thực hiện, đảm bảo quy trình quy định của pháp luật.

4. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội, Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội: Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và Sở Quy hoạch - Kiến trúc nghiên cứu các quy định hiện hành, tham mưu UBND Thành phố về nguồn vốn, quy trình thực hiện bố trí vốn cho các đồ án quy hoạch, quy chế... sử dụng ngân sách để các đơn vị tổ chức thực hiện.

6. Chế độ báo cáo:

Định kỳ 6 tháng (trước ngày 25/6 và 25/12), Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND Thành phố.

Theo chức năng, nhiệm vụ, Giám đốc, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan của Thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 20/6 và 20/12), các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã báo cáo

kết quả thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Quy hoạch Kiến trúc để tổng hợp.

7. Văn phòng UBND Thành phố: Trên cơ sở báo cáo của cơ quan thường trực, tổng hợp, tham mưu Chủ tịch UBND Thành phố đưa kết quả việc thực hiện Kế hoạch vào nội dung giao ban tháng, giao ban quý của UBND Thành phố.

8. Các sở, ban, ngành Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm về danh mục, kế hoạch lập các đồ án đề xuất. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, Sở Quy hoạch - Kiến trúc với vai trò cơ quan chủ trì về công tác quy hoạch của Thành phố có trách nhiệm tham mưu, báo cáo UBND Thành phố chỉ đạo thực hiện đối với các trường hợp phát sinh, các khó khăn vướng mắc. UBND Thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan, UBND các quận huyện, thị xã khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, kịp thời báo cáo những vướng mắc, khó khăn phát sinh về cơ quan thường trực để tổng hợp chung, báo cáo UBND Thành phố kịp thời chỉ đạo, giải quyết.

9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Các Bộ: XD; NV: KH&ĐT; TP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Đ/c Chủ tịch UBNDTP;
- Các đ/c PCT UBNDTP;
- Đài PT&THHN; Các Báo: HNM, KTĐT;
- Trung tâm THCB, Công TTĐTTP;
- VPUB: Các đ/c PCVP;
- Lưu VT (.....bản). *Thư này*

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN²

CHỦ TỊCH



*Chu Ngọc Anh

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC ĐỒ ÁN QUY HOẠCH, QUY CHẾ ĐỀ XUẤT MỚI, THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 của UBND Thành phố)

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
I. QUY HOẠCH SỐ THỊ (theo Luật Quy hoạch đô thị)										
I.1 Quy hoạch chung đô thị										
I.1.1	Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	1/10.000 1/25.000	Thành phố Hà Nội		3.344,6 km ²	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội	2021	2023	Thực hiện theo Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 25/5/2021 và Quyết định số 4199/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND Thành phố	Sở Quy hoạch - Kiến trúc cấp nhất trong kế hoạch
I.2 Quy hoạch phân khu đô thị										
I.2.1	Quy hoạch phân khu đô thị ST1: Gồm 09 quy hoạch phân khu đô thị thuộc 08 phường thuộc khu vực đô thị hiện hữu.	1/2000	Phường Lê Lợi, Ngõ Quỳ, Quang Trung, Sơn Lóc, Trung Hưng, Phú Thịnh, Viên Sơn, Trung Sơn Trám - thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội		1786,00	UBND thị xã Sơn Tây và Viện QH xây dựng Hà Nội	2014	2021	Đồ án đang triển khai thực hiện, gồm 09 đồ án QHPK đô thị thuộc 8 phường thực hiện theo nhiệm vụ đã được UBND thành phố giao tại Quyết định số 4922/QĐ-UBND ngày 24/9/2014	Công văn số 1887/UBND-QĐĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây
I.2.2	Quy hoạch phân khu đô thị ST2	1/2000	Xã Đường Lâm, Thanh Mỹ - thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội		456,00	UBND thị xã Sơn Tây	2021	2022	Đồ án đề xuất mới. Thực hiện theo chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tại Văn bản số 4484/VP-ĐT ngày 14/5/2021.	Công văn số 1887/UBND-QĐĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây
I.2.3	Quy hoạch phân khu đô thị ST3	1/2000	Phường Xuân Khanh và xã Thanh Mỹ, Xuân Sơn - thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội		1181,00	UBND thị xã Sơn Tây	2021	2022	Đồ án đề xuất mới. Thực hiện theo chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tại Văn bản số 4484/VP-ĐT ngày 14/5/2021.	Công văn số 1887/UBND-QĐĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây
I.2.4	Quy hoạch phân khu đô thị ST4	1/2000	Xã Đường Lâm, Thanh Mỹ, Xuân Sơn - thị xã Sơn Tây và xã Cam Thượng - huyện Ba Vì - TP Hà Nội		1259,00	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp	2021	2022	Đồ án đề xuất mới. Thực hiện theo chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tại Văn bản số 4484/VP-ĐT ngày 14/5/2021.	Công văn số 1887/UBND-QĐĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây
I.3 Quy hoạch chi tiết đô thị										

STT (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
1.3.1	Khu đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu vực dân cư xã Minh Cường thuộc ô quy hoạch 2.01 - ký hiệu PX - 01, quy hoạch đô thị và tỉnh Phú Xuyên	1/500	Thị trấn Thương Tín	Thương Tín	9,86	UBND huyện Thương Tín	Quý IV/2021	Quý II/2022		Công văn số 1169/UBND-QLĐT ngày 01/9/2021 của UBND huyện Thương Tín
1.3.2	Khu đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu vực dân cư xã Văn Tự thuộc ô quy hoạch 1.02 - ký hiệu PX - 04, quy hoạch đô thị và tỉnh Phú Xuyên	1/500	Thị trấn Thương Tín	Thương Tín	16,40	UBND huyện Thương Tín	Quý IV/2021	Quý II/2022		Công văn số 1169/UBND-QLĐT ngày 01/9/2021 của UBND huyện Thương Tín
1.3.3	Khu đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu vực dân cư xã Văn Tự thuộc ô quy hoạch 1.03 - ký hiệu PX - 03, quy hoạch đô thị và tỉnh Phú Xuyên	1/500	Thị trấn Thương Tín	Thương Tín	13,20	UBND huyện Thương Tín	Quý IV/2021	Quý II/2022		Công văn số 1169/UBND-QLĐT ngày 01/9/2021 của UBND huyện Thương Tín
1.3.4	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu vực dân cư xã Văn Tự (thuộc ô quy hoạch PX-03, PX-04 theo quy hoạch đô thị và tỉnh Phú Xuyên), huyện Thương Tín	1/500	Xã Văn Tự, huyện Thương Tín, Hà Nội	Thương Tín	10,92	UBND huyện Thương Tín	Quý IV/2021	Quý II/2022		Công văn số 1169/UBND-QLĐT ngày 01/9/2021 của UBND huyện Thương Tín
1.3.5	Quy hoạch chi tiết khu vực trung tâm thương mại và dịch vụ bán đảo Quảng An	1/500	Phường Quảng An	Tây Hồ	44,40	UBND quận Tây Hồ	2021	2022	Đồ án đề xuất mới, thực hiện theo nội dung Văn bản số 8413/VP-ĐT ngày 10/8/2021 của Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội	Công văn số 1594/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Tây Hồ
1.3.6	Quy hoạch chi tiết thị trấn Văn Đình	1/500	Thị trấn Văn Đình	Ứng Hòa	447,00	UBND huyện Ứng Hòa	2023	2025		Công văn số 1439/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Ứng Hòa
1.3.7	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Tây Từ	1/500	Phường Tây Từ, quận Bắc Từ Liêm	Bắc Từ Liêm	135,60	UBND quận Bắc Từ Liêm	2022	2023		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm
1.3.8	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Thương Cát	1/500	Phường Thương Cát, quận Bắc Từ Liêm	Bắc Từ Liêm	95,80	UBND quận Bắc Từ Liêm	2022	2023		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm
1.3.9	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Thụy Phương	1/500	Phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm	Bắc Từ Liêm	112,40	UBND quận Bắc Từ Liêm	2023	2024		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm
1.3.10	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Xuân Đình	1/500	Phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm	Bắc Từ Liêm	89,22	UBND quận Bắc Từ Liêm	2023	2024		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
I.3.11	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Xuân Tảo	1/500	Phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm	Bắc Từ Liêm	17,01	UBND quận Bắc Từ Liêm	2024	2025		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm
I.3.12	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Đông Ngạc	1/500	Phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm	Bắc Từ Liêm	82,25	UBND quận Bắc Từ Liêm	2024	2025		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm
I.3.13	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Đức Thắng	1/500	Phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm	Bắc Từ Liêm	30,40	UBND quận Bắc Từ Liêm	2025	2026		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm
I.3.14	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Liên Mạc	1/500	Phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm	Bắc Từ Liêm	119,40	UBND quận Bắc Từ Liêm	2025	2026		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm
I.3.15	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Vĩnh Phúc, Liễu Giai, (ô quy hoạch A, AHPK HI-2)	1/500	Phường Vĩnh Phúc, một phần diện tích Liễu Giai khu vực 13 Làng Trại xưa thuộc quận	Ba Đình	75,11	UBND quận Ba Đình	2024			Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình
I.3.16	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Công Vi (ô quy hoạch B Quy hoạch phần khu HI-2)	1/500	Phường Công Vi	Ba Đình	48,64	UBND quận Ba Đình	2023			Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình
I.3.17	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Ngọc Khánh (ô quy hoạch C2 Quy hoạch phần khu HI-2)	1/500	Phường Ngọc Khánh	Ba Đình	16,90	UBND quận Ba Đình	2023			Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình
I.3.18	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Liễu Giai, Ngọc Hà, (ô quy hoạch D Quy hoạch phần khu HI-2)	1/500	Một phần diện tích phường Liễu Giai và Ngọc Hà	Ba Đình	47,94	UBND quận Ba Đình	2024			Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình
I.3.19	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Đội Cấn, Ngọc Hà, (ô quy hoạch E Quy hoạch phần khu HI-2)	1/500	Phường Đội Cấn, một phần diện tích Ngọc Hà	Ba Đình	79,52	UBND quận Ba Đình	2024			Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
1.3.20	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Kim Mã, (ô quy hoạch F Quy hoạch phân khu HI-2)	1/500	Phường Kim Mã	Ba Đình	36,99	UBND quận Ba Đình	2024			Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình
1.3.21	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Giảng Võ, (ô quy hoạch G Quy hoạch phân khu HI-2)	1/500	Một phần diện tích phường Giảng Võ	Ba Đình	15,03	UBND quận Ba Đình	2024			Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình
1.3.22	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Thành Công, (ô quy hoạch H Quy hoạch phân khu HI-2)	1/500	Một phần diện tích phường Thành Công	Ba Đình	16,05	UBND quận Ba Đình	2024			Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình
1.3.23	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Yên Hòa	1/500	Yên Hòa	Cầu Giấy	50,00	UBND quận Cầu Giấy	2022	2025	Quy mô lập QHCT khoảng 50ha	Công văn số 1150/UBND-QLĐT ngày 23/9/2021 của UBND quận Cầu Giấy
1.3.24	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Trung Hòa	1/500	Trung Hòa	Cầu Giấy	70,00	UBND quận Cầu Giấy	2022	2025	Quy mô lập QHCT khoảng 70ha	Công văn số 1150/UBND-QLĐT ngày 23/9/2021 của UBND quận Cầu Giấy
1.3.25	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Mai Dịch	1/500	Nghĩa Đô	Cầu Giấy	52,00	UBND quận Cầu Giấy	2022	2025	Quy mô lập QHCT khoảng 52ha	Công văn số 1150/UBND-QLĐT ngày 23/9/2021 của UBND quận Cầu Giấy
1.3.26	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Nghĩa Đô	1/500	Mai Dịch	Cầu Giấy	120,00	UBND quận Cầu Giấy	2022	2025	Quy mô lập QHCT khoảng 120ha	Công văn số 1150/UBND-QLĐT ngày 23/9/2021 của UBND quận Cầu Giấy
1.3.27	Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Nghĩa Tân	1/500	Nghĩa Tân	Cầu Giấy	24,00	UBND quận Cầu Giấy	2022	2025	Quy mô lập QHCT khoảng 24ha	Công văn số 1150/UBND-QLĐT ngày 23/9/2021 của UBND quận Cầu Giấy
1.3.28	Quy hoạch chi tiết Khu công viên vui chơi giải trí Tân Hội-Tân Lập tỷ lệ 1/500	1/500	Xã Tân Hội, Tân Lập	Đan Phượng	95,00	UBND huyện Đan Phượng	Quý II/2022	Quý II/2023	Thuộc phân khu đô thị S1 tỷ lệ 1/5000 đã được phê duyệt; Kỳ hiệu X2 (bản vẽ xác định vị trí kèm theo)	Công văn số 1828/UBND-QLĐT ngày 17/9/2021 của UBND huyện Đan Phượng
1.3.29	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị thuộc ô A-6 tỷ lệ 1/500	1/500	Xã Tân Hội, Hạ Mỗ	Đan Phượng	75,00	UBND huyện Đan Phượng	Quý II/2022	Quý II/2023	Thuộc phân khu đô thị S1 tỷ lệ 1/5000 đã được phê duyệt; Kỳ hiệu X3 (bản vẽ xác định vị trí kèm theo)	Công văn số 1828/UBND-QLĐT ngày 17/9/2021 của UBND huyện Đan Phượng
1.3.30	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị thuộc ô A-3, A-7 tỷ lệ 1/500	1/500	Xã Tân Hội, Liên Hà	Đan Phượng	130,00	UBND huyện Đan Phượng	Quý II/2022	Quý II/2023	Thuộc phân khu đô thị S1 tỷ lệ 1/5000 đã được phê duyệt; Kỳ hiệu X4 (bản vẽ xác định vị trí kèm theo)	Công văn số 1828/UBND-QLĐT ngày 17/9/2021 của UBND huyện Đan Phượng

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
I.3.31	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Phúc Thọ, xã Mai Lâm và thôn Đông Trù xã Đông Hội	1/500	xã Mai Lâm, xã Đông Hội	Đông Anh	31,79	UBND huyện Đông Anh	2022	2022		Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.32	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Yên Hà, Hải Bối, xã Hải Bối	1/500	xã Hải Bối	Đông Anh	96,58	UBND huyện Đông Anh	2022	2022		Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.33	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đại Bàng, xã Nguyễn Khê	1/500	xã Nguyễn Khê	Đông Anh	13,90	UBND huyện Đông Anh	2022	2022	Đề nghị tách riêng giới ranh giới dự án khu đô thị phía Nam sân bay Nội Bài	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.34	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Som Du, xã Nguyễn Khê	1/500	xã Nguyễn Khê	Đông Anh	35,92	UBND huyện Đông Anh	2022	2022		Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.35	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Quan Âm, Thụy Hà, Bền Trung, Phú Liên, xã Bắc Hồng	1/500	xã Bắc Hồng	Đông Anh	169,01	UBND huyện Đông Anh	2022	2022	Cần rà soát ranh giới nghiên cứu bao gồm cả các phần đất bỏ sung HTXH, HTKT cấp đơn vị ở	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.36	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Lục Canh, Văn Tinh xã Xuân Canh (khu vực ngoài đê)	1/500	xã Xuân Canh	Đông Anh	22,05	UBND huyện Đông Anh	2022	2022		Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.37	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đông Nhân, xã Hải Bối, huyện Đông Anh	1/500	xã Hải Bối	Đông Anh	13,33	UBND huyện Đông Anh	2022	2022	Đề nghị tách riêng khối ranh giới lập QHCT khu C Thành phố Thông Minh	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.38	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lê Pháp xã Tiên Dương	1/500	xã Tiên Dương	Đông Anh	28,43	UBND huyện Đông Anh	2022	2022	Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.39	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Cổ Dương xã Tiên Dương	1/500	xã Tiên Dương	Đông Anh	38,4	UBND huyện Đông Anh	2022	2022	Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.40	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Trung Oai, thôn Tiên Kha xã Tiên Dương	1/500	xã Tiên Dương	Đông Anh	84,26	UBND huyện Đông Anh	2022	2022	Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.41	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Dân Di, xã Uy Nỗ	1/500	xã Uy Nỗ	Đông Anh	13,7	UBND huyện Đông Anh	2022	2022	Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
I.3.42	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đại Bi, xã Uy Nỗ	1/500	xã Uy Nỗ	Đông Anh	15,93	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.43	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Áp Tô, xã Uy Nỗ	1/500	xã Uy Nỗ	Đông Anh	6,84	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.44	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Cán Khê, thôn Tiên Hưng, xã Nguyễn Khê	1/500	xã Nguyễn Khê	Đông Anh	104,13	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.45	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Nguyễn Khê, xóm Đường Thôn Khê Ntr, xã Nguyễn Khê	1/500	xã Nguyễn Khê	Đông Anh	57,27	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.46	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Khê Ntr, xã Nguyễn Khê	1/500	xã Nguyễn Khê	Đông Anh	44,82	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.47	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đoài, xã Nam Hồng	1/500	xã Nam Hồng	Đông Anh	35,55	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.48	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Tăng Mỹ, xã Nam Hồng	1/500	xã Nam Hồng	Đông Anh	65,17	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.49	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Tuấn Lê xã Tiên Dương	1/500	xã Tiên Dương	Đông Anh	11,36	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.50	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương	1/500	xã Tiên Dương	Đông Anh	43,2	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.51	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Kinh Nỗ, xã Uy Nỗ	1/500	xã Uy Nỗ	Đông Anh	27,71	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.52	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Nghĩa Lại, xã Uy Nỗ	1/500	xã Uy Nỗ	Đông Anh	17,07	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.53	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Thượng, thôn Trong, thôn Ngoại, thôn Hậu và thôn Chợ, xã Uy Nỗ	1/500	xã Uy Nỗ	Đông Anh	70,35	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
I.3.54	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Phúc Lộc, xã Uy Nỗ	1/500	xã Uy Nỗ	Đông Anh	8,58	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.55	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ	1/500	xã Kim Nỗ	Đông Anh	40,08	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.56	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Bắc, Đồi, Đông, xã Kim Nỗ	1/500	xã Kim Nỗ	Đông Anh	91,74	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.57	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Vạn Lộc, Văn Thượng, xã Xuân Canh	1/500	xã Xuân Canh	Đông Anh	50,93	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.58	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm	1/500	xã Thụy Lâm	Đông Anh	29,03	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.59	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Cổ Miếu, xã Thụy Lâm	1/500	xã Thụy Lâm	Đông Anh	24,55	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.60	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Cầu Cá, xã Cổ Loa	1/500	xã Cổ Loa	Đông Anh	14,77	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.61	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư xã Văn Nội	1/500	xã Văn Nội	Đông Anh	107,44	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.62	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Lương Quán, Gia Lộc, xã Việt Hùng	1/500	xã Việt Hùng	Đông Anh	47,79	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.63	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Đồi, Trung, Đông xã Việt Hùng	1/500	xã Việt Hùng	Đông Anh	98,14	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.64	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lỗ Giao, xã Việt Hùng	1/500	xã Việt Hùng	Đông Anh	32,74	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
I.3.65	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Mach Lũng, xã Đại Mach,	1/500	xã Đại Mach	Đông Anh	66,4	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
1.3.66	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đại Đông và thôn Mai Châu, xã Đại Mạch	1/500	xã Đại Mạch	Đông Anh	90,7	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.67	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn Đại Độ, Sáp, Mai xã Vông La	1/500	xã Vông La	Đông Anh	81,7	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.68	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Xuân Nón, xã Xuân Nón	1/500	xã Xuân Nón	Đông Anh	51	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.69	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Dương Nhân, xã Xuân Nón	1/500	xã Xuân Nón	Đông Anh	33,7	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.70	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Kim Tiên, xã Xuân Nón	1/500	xã Xuân Nón	Đông Anh	33	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.71	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đình Trung, xã Xuân Nón	1/500	xã Xuân Nón	Đông Anh	56,9	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.72	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lương Quý, xã Xuân Nón	1/500	xã Xuân Nón	Đông Anh	73,2	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.73	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Du Nội, Du Ngoai, xã Mai Lâm	1/500	xã Mai Lâm	Đông Anh	30,22	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.74	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Vẽ, Địa xã Nam Hồng.	1/500	xã Nam Hồng	Đông Anh	106,7	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.75	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Phúc Hậu (1,2), Dục Tú (1,2,3) xã Dục Tú	1/500	Dục Tú	Đông Anh	87	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.76	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú	1/500	Dục Tú	Đông Anh	12,8	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.77	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lý Nhân, xã Dục Tú	1/500	Dục Tú	Đông Anh	34	UBND huyện Đông Anh		2022	Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
I.3.78	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đông Đầu, xã Dục Tú	1/500	Dục Tú	Đông Anh	17,5	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.79	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thuộc ô quy hoạch V.3.2 phần khu đô thị N5, Thị trấn Đông Anh	1/500	Thị trấn Đông Anh	Đông Anh	11,22	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.80	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thuộc ô quy hoạch V.2.7 phần khu đô thị N5, Thị trấn Đông Anh	1/500	Thị trấn Đông Anh	Đông Anh	33,27	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.81	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thuộc ô quy hoạch V.3.3 phần khu đô thị N5, Thị trấn Đông Anh	1/500	Thị trấn Đông Anh	Đông Anh	7,16	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.82	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư dân cư thuộc ô quy hoạch A5 phần khu đô thị N6, Thị trấn Đông Anh	1/500	Thị trấn Đông Anh	Đông Anh	19,77	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.83	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Mỹ Nội, xã Bắc Hồng	1/500	Bắc Hồng	Đông Anh	26,57	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.84	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Thượng Phúc, xã Bắc Hồng	1/500	Bắc Hồng	Đông Anh	30,2	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.85	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Cổ Điện, xã Hải Bối	1/500	xã Hải Bối	Đông Anh	101,85	UBND huyện Đông Anh	2022	Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.86	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Hội Phú, xã Đông Hội	1/500	xã Đông Hội	Đông Anh	45,63	UBND huyện Đông Anh	2023	Đã BC HĐTD, đang rà soát, tổng hợp các nội dung. Dự kiến tạm dừng để thực hiện điều chỉnh cục bộ QHPK	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	
I.3.87	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lê Xá, xã Mai Lâm	1/500	xã Mai Lâm	Đông Anh	22,77	UBND huyện Đông Anh	2023	Đã báo cáo cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang rà soát, tổng hợp các nội dung. Dự kiến tạm dừng để thực hiện điều chỉnh cục bộ QHPK	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh	

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4):		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
1.3.88	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Thái Bình, Mai Hiền, xã Mai Lâm	1/500	xã Mai Lâm	Đông Anh	62,41	UBND huyện Đông Anh	2023		Đã báo cáo công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang rà soát, tổng hợp các nội dung. Dự kiến tạm dừng để thực hiện điều chỉnh cục bộ QHPK	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.89	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm	1/500	xã Mai Lâm	Đông Anh	46,26	UBND huyện Đông Anh	2023		Đã báo cáo công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang rà soát, tổng hợp các nội dung. Dự kiến tạm dừng để thực hiện điều chỉnh cục bộ QHPK	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.90	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Tiên Hội, xã Đông Hội	1/500	xã Đông Hội	Đông Anh	27,1	UBND huyện Đông Anh	2022		Đã phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.91	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Trung Trù, xã Đông Hội	1/500	xã Đông Hội	Đông Anh	52,34	UBND huyện Đông Anh	2022		Đã phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.92	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đông Trù, xã Đông Hội	1/500	xã Đông Hội	Đông Anh	26,84	UBND huyện Đông Anh	2022		Đã phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.93	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Xuân Trạch, xã Xuân Canh	1/500	xã Xuân Canh	Đông Anh	67,4	UBND huyện Đông Anh	2022		Đã phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.94	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Xuân Canh, Văn Tĩnh, Lục Canh, xã Xuân Canh	1/500	xã Xuân Canh	Đông Anh	69,36	UBND huyện Đông Anh	2022		Đã phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.95	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đông Ngàn, xã Đông Hội	1/500	xã Đông Hội	Đông Anh	23,05	UBND huyện Đông Anh	2022		Chưa thực hiện do Quy hoạch nằm trong ranh giới QHPK đô thị sông Đuống	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.96	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Phúc Thọ, xã Mai Lâm	1/500	xã Mai Lâm	Đông Anh	24	UBND huyện Đông Anh	2022		Chưa thực hiện do Quy hoạch nằm trong ranh giới QHPK đô thị sông Hồng	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.97	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Vòng La, xã Vòng La	1/500	xã Vòng La	Đông Anh	20,31	UBND huyện Đông Anh	2022		Chưa thực hiện do Quy hoạch nằm trong ranh giới QHPK đô thị sông Hồng	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.98	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Yên Hà, Hải Bối, xã Hải Bối	1/500	xã Hải Bối	Đông Anh	92,6	UBND huyện Đông Anh	2022		Chưa thực hiện do Quy hoạch nằm trong ranh giới QHPK đô thị sông Hồng	Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
1.3.99	Quy hoạch chi tiết công viên Đông Đa	1/500	quận Đông Đa	Đông Đa	6,50	UBND quận Đông Đa	2021	2023	Xem xét, đánh giá thêm trước khi triển khai thực hiện	Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đông Đa

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
I.3.100	Đồ án Quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị Trâu Quỳ, tỷ lệ 1/500	1/500	TT Trâu Quỳ	Gia Lâm	55,00	UBND huyện	2021	2025		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm
I.3.101	Đồ án Quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị Yên Thượng, Ninh Hiệp, Đình Xuyên, tỷ lệ 1/500	1/500	Xã Yên Thượng, Ninh Hiệp, Đình Xuyên	Gia Lâm	49,00	UBND huyện	2021	2025		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm
I.3.102	Đồ án Quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị Đám Cầu Vua, xã Đa Tốn, tỷ lệ 1/500	1/500	Xã Đa Tốn	Gia Lâm	95,00	UBND huyện	2021	2025		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm
I.3.103	Quy hoạch chi tiết khu công viên, cây xanh phía trước UBND Huyện, tỷ lệ 1/500	1/500	TT Trâu Quỳ	Gia Lâm	13,00	UBND huyện	2021	2023	Huyện đề xuất lập TMB, tùy nhiên quy mô 13ha phải lập QHCT để phù hợp với quy định.	Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm
I.3.104	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch để xây dựng công trình phục vụ công đồng dân cư và chỉnh trang khu dân cư đô thị tại Ô đất C.2.1, xã Đông Dư, huyện Gia Lâm	1/500	Xã Đông Dư	Gia Lâm	20,00	UBND huyện	2021	2023		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm
I.3.105	Xây dựng vườn hoa, sân chơi thuộc ô quy hoạch 6-1 phần khu đô thị N9, xã Đình Xuyên, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	1/500	Xã Dương Hà	Gia Lâm	6,00	UBND huyện	2021	2023		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm
I.3.106	GPMB, xây dựng HTKT khung tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu XI, xã Yên Thượng, huyện Gia Lâm	1/500	Xã Yên Thượng	Gia Lâm	15,00	UBND huyện	2021	2023		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm
I.3.107	GPMB, xây dựng HTKT khung tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu X2, xã Yên Thượng, huyện Gia Lâm	1/500	Xã Yên Thượng	Gia Lâm	8,00	UBND huyện	2021	2023		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện		Chi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
I.3.108	GPMB, xây dựng HTKT khung tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu tư phát triển sử dụng đất tại khu X3, xã Yên Thượng, huyện Gia Lâm	1/500	Xã Yên Thượng	Gia Lâm	6,00	UBND huyện	2021	2023		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm
I.3.109	Giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư phát triển sử dụng đất để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất C6, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	1/500	Xã Yên Viên	Gia Lâm	6,00	UBND huyện	2021	2023		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm
I.3.110	Giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư phát triển sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ công đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại ô đất ký hiệu C3, C4, C5, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	1/500	Xã Yên Viên	Gia Lâm	8,00	UBND huyện	2021	2023		Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm
I.3.111	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư phía Bắc quốc lộ 32, huyện Hoài Đức	1/500	Kim Chung, Đức Thượng	Hoài Đức	231,90	UBND huyện Hoài Đức	2021	2025	Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức	Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức
I.3.112	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Đức Thượng và vùng phụ cận	1/500	Đức Thượng	Hoài Đức	106,10	UBND huyện Hoài Đức	2021	2025	Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức	Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)	Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện						
I.3.113	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Đức Giang, Đức Thượng và vùng phụ cận	1/500	Đức Giang, Đức Thượng	Hoài Đức	141,10	UBND huyện Hoài Đức	2021	2025	Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức	Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức
I.3.114	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Kim Chung, Di Trạch và vùng phụ cận	1/500	Kim Chung, Di Trạch, Sơn Đông	Hoài Đức	134,00	UBND huyện Hoài Đức	2021	2025	Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức	Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức
I.3.115	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Sơn Đông và vùng phụ cận	1/500	Sơn Đông	Hoài Đức	97,50	UBND huyện Hoài Đức	2021	2025	Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức	Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức
I.3.116	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Lai Yên và vùng phụ cận	1/500	Lai Yên	Hoài Đức	146,40	UBND huyện Hoài Đức	2021	2025	Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức	Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức
I.3.117	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Song Phương và vùng phụ cận	1/500	Song Phương	Hoài Đức	74,00	UBND huyện Hoài Đức	2021	2025	Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức	Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (7)		Chị chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu	Dự kiến hoàn thành		
I.3.118	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Văn Canh và vùng phụ cận	1/500	Văn Canh	Hoài Đức	106,00	UBND huyện Hoài Đức	2021	2025	Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QĐĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức	Công văn số 2422/UBND-QĐĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức
I.3.119	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã An Thượng và vùng phụ cận	1/500	An Thượng	Hoài Đức	171,60	UBND huyện Hoài Đức	2021	2025	Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QĐĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức	Công văn số 2422/UBND-QĐĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức
I.3.120	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã An Khánh khu 1 và vùng phụ cận	1/500	An Khánh	Hoài Đức	102,60	UBND huyện Hoài Đức	2021	2025	Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QĐĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức	Công văn số 2422/UBND-QĐĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức
I.3.121	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã An Khánh khu 2 và vùng phụ cận	1/500	An Khánh	Hoài Đức	122,20	UBND huyện Hoài Đức	2021	2025	Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QĐĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức	Công văn số 2422/UBND-QĐĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức
I.3.122	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã La Phù, An Khánh và vùng phụ cận	1/500	An Khánh, La Phù	Hoài Đức	128,80	UBND huyện Hoài Đức	2021	2025	Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QĐĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức	Công văn số 2422/UBND-QĐĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)	Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện						
1.3.123	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã La Phù và vùng phụ cận	1/500	La Phù	Hoài Đức	302,80	UBND huyện Hoài Đức	2021	2025	Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức	Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức
1.3.124	Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch D3 phần khu H2-4	1/500	phường Yên Sở	Hoàng Mai	36,00	UBND quận Hoàng Mai	2025	2030		Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai
1.3.125	Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch H1 phần khu H2-4	1/500	phường Trần Phú	Hoàng Mai	20,00	UBND quận Hoàng Mai	2025	2030		Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai
1.3.126	Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch F3 phần khu H2-4	1/500	phường Thanh Trì	Hoàng Mai	30,00	UBND quận Hoàng Mai	2025	2030		Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai
1.3.127	Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch G1 phần khu H2-4	1/500	phường Thanh Trì	Hoàng Mai	25,00	UBND quận Hoàng Mai	2025	2030		Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai
1.3.128	Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch G2 phần khu H2-4	1/500	phường Lĩnh Nam	Hoàng Mai	35,00	UBND quận Hoàng Mai	2025	2030		Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai
1.3.129	Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch F2 phần khu H2-4	1/500	phường Vĩnh Hưng	Hoàng Mai	50,00	UBND quận Hoàng Mai	2025	2030		Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai
1.3.130	Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch F4 phần khu H2-4	1/500	phường Vĩnh Hưng, Lĩnh Nam	Hoàng Mai	40,00	UBND quận Hoàng Mai	2025	2030		Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế, ... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
I.3.131	Quy hoạch chi tiết tại ô đất ký hiệu H trong quy hoạch phân khu đô thị N10, phường Bồ Đề, Long Biên, Ctr Khối	1/500	quận Long Biên	Long Biên	410,75	UBND quận Long Biên	2021	2023	Thực hiện theo chỉ đạo của UBND Thành phố (Công văn số 7681/VP-ĐT ngày 23/7/2021 giao UBND quận Long Biên là đơn vị tổ chức lập điều chỉnh cục bộ và tổ chức lập QHCT, tỷ lệ 1/500 tại Khu H đảm bảo một đầu mối trên khai thông nhất, phù hợp pháp lý đầu tư)	Công văn số 1623/UBND-QLĐT ngày 06/9/2021 của UBND quận Long Biên
I.3.132	Quy hoạch chi tiết tại các ô quy hoạch G4 và G5, phường Thạch Bàn.	1/500	quận Long Biên	Long Biên	38,66	UBND quận Long Biên	2021	2023	Công ty VNS tài trợ kinh phí.	Công văn số 1623/UBND-QLĐT ngày 06/9/2021 của UBND quận Long Biên
I.3.133	Quy hoạch chi tiết khu công viên làng nghề Lê Mật, phường Việt Hưng tại ô quy hoạch C12/CXKO.	1/500	quận Long Biên	Long Biên	11,79	UBND quận Long Biên	2022	2023		Công văn số 1623/UBND-QLĐT ngày 06/9/2021 của UBND quận Long Biên
I.3.134	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại điểm X4, thôn Lâm Hộ, xã Thanh Lâm	1/500	Xã Thanh Lâm	Mê Linh	6,60	UBND huyện Mê Linh	2021	2022		Công văn số 2429/UBND-QLĐT ngày 24/9/2021 của UBND huyện Mê Linh
I.3.135	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm QM-01 tổ dân phố 4,5,6, thị trấn Quang Minh	1/500	thị trấn Quang Minh	Mê Linh	3,44	UBND huyện Mê Linh	2021	2022		Công văn số 2429/UBND-QLĐT ngày 24/9/2021 của UBND huyện Mê Linh
I.3.136	Quy hoạch chi tiết chợ đầu mối nông sản tổng hợp huyện Mê Linh	1/500	Xã Thanh Lâm, Kim Hoa	Mê Linh	23,00	UBND huyện Mê Linh	2022	2023	Xem xét cụ thể trong quá trình thực hiện để phù hợp với chủ trương chung của Thành phố về đầu tư xây dựng các chợ đầu mối (theo các chương trình xúc tiến đầu tư)	Công văn số 2429/UBND-QLĐT ngày 24/9/2021 của UBND huyện Mê Linh
I.3.137	Quy hoạch chi tiết khu công viên du lịch dịch vụ giải trí Đông Mỗ	1/500	Xã Sơn Đông - thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội	Sơn Tây	263,00	UBND thị xã Sơn Tây	2023	2024	Đồ án đề xuất mới (Trong quá trình thực hiện cần kiểm tra, tránh chồng chéo nội dung Viên QHXD Hà Nội đang thực hiện)	Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây
I.3.138	Quy hoạch chi tiết đường từ Thành Cổ Sơn Tây đến Bắc Đền Và	1/500	Phường Trung Hưng - thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội	Sơn Tây	15,75	UBND thị xã Sơn Tây	2023	2024	Đồ án đề xuất mới	Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)	Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện						
I.3.139	Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu thị trấn Liên Quan	1/500	thị trấn Liên Quan	Thạch Thất	46,00	UBND huyện Thạch Thất	2023	2024	Tiến hành song song với việc điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Liên Quan	Công văn số 1704/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND huyện Thạch Thất
I.3.140	Quy hoạch chi tiết đồ quy hoạch K2, tỷ lệ 1/500 thị trấn Kim Bài	1/500	Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai	Thanh Oai	44,84	UBND huyện Thanh Oai	Năm 2021	Năm 2022		Công văn số 1594/UBND-QLĐT ngày 28/8/2021 của UBND huyện Thanh Oai
I.3.141	Quy hoạch chi tiết đồ quy hoạch K4, tỷ lệ 1/500 thị trấn Kim Bài	1/500	Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai	Thanh Oai	130,69	UBND huyện Thanh Oai	Năm 2023	Năm 2024		Công văn số 1594/UBND-QLĐT ngày 28/8/2021 của UBND huyện Thanh Oai
I.3.142	Quy hoạch chi tiết Khu Tương niệm danh nhân Chu Văn An, huyện Thanh Trì, giai đoạn 2.	1/500	Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì	Thanh Trì	42,8	UBND huyện Thanh Trì	Khi thành phố chấp thuận danh mục	2022	Thông báo số 401/TB-UBND ngày 6/7/2021; 3496/QHKT-P2 ngày 23/7/2021	Công văn số 1743/UBND-QLĐT ngày 23/8/2021 của UBND huyện Thanh Trì
I.3.143	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị tiếp giáp đơn 3 (Khu C) - Khu vực phát triển đô thị hai bên đường Nhật Tân - Nội Bài	1/500	Kim Nỗ, Hải Bối	Huyện Đông Anh	229,29	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố	2022	2023-2024		Cấp nhất danh mục theo Văn bản số 5775/UBND-ĐT ngày 15/7/2020 của UBND Thành phố
I.3.144	Quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường Vành đai 4	1/500	Các quận, huyện có liên quan		Xác định trong quá trình thực hiện		2022	2025	Xem xét cụ thể trong quá trình thực hiện (lập quy hoạch chi tiết đơn qua khu vực phát triển đô thị)	Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất trên cơ sở Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Thành ủy
I.3.145	Quy hoạch dọc sông Hồng, sông Đà, sông Đáy, sông Tích, sông Bùi (khu vực phát triển đô thị)	1/500	Các quận, huyện, thị xã liên quan		Xác định trong quá trình thực hiện	Xác định trong quá trình thực hiện	2022	2025	Cấp thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định việc lập quy hoạch trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo, đánh giá sự cần thiết	Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất
I.3.146	QHCT các khu vực quan trọng: Khu đô thị đại học tập trung; y tế tập trung; công viên khoa học, khởi nghiệp sáng tạo...	1/500	Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội		Xác định trong quá trình thực hiện	Xác định trong quá trình thực hiện	2022	2025	Cấp thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định việc lập quy hoạch trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo, đánh giá sự cần thiết	Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất
I.4	Thiết kế đô thị									
I.4.1	Thiết kế chỉnh trang 2 bên Quốc lộ 1 (đoạn qua Đò thị về tỉnh Phú Xuyên)		Thường Tín, Phú Xuyên	Nhiều địa bàn		Xem xét trong quá trình thực hiện	2021	2023		Công văn số 1931/UBND-QLĐT ngày 20/8/2021 của UBND huyện Phú Xuyên

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (7)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu	Dự kiến hoàn thành		
I.4.2	TKĐT khu quy hoạch A (diện tích khoảng 99,52ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị HI-3	1/500	phường Lạng Thương, quận Đống Đa	Đống Đa	99,52	UBND quận Đống Đa	2022	2025	Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT	Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.3	TKĐT khu quy hoạch B (diện tích khoảng 9,72ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị HI-3	1/500	phường Lạng Hạ, quận Đống Đa	Đống Đa	9,72	UBND quận Đống Đa	2022	2025	Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT	Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.4	TKĐT khu quy hoạch C (diện tích khoảng 46,18ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị HI-3	1/500	phường Lạng Hạ, quận Đống Đa	Đống Đa	46,18	UBND quận Đống Đa	2022	2025	Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT	Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.5	TKĐT khu quy hoạch D (diện tích khoảng 93,98ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị HI-3	1/500	phường Thịnh Quang, Trung Liệt, quận Đống Đa	Đống Đa	93,98	UBND quận Đống Đa	2023	2025	Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT	Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.6	TKĐT khu quy hoạch E (diện tích khoảng 105,50ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị HI-3	1/500	phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa	Đống Đa	105,50	UBND quận Đống Đa	2023	2025	Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT	Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.7	TKĐT khu quy hoạch F (diện tích khoảng 111,10ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị HI-3	1/500	phường Hàng Bột, Quốc Tử Giám, Cát Linh, quận Đống Đa	Đống Đa	111,10	UBND quận Đống Đa	2023	2025	Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT	Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.8	TKĐT khu quy hoạch G (diện tích khoảng 27,67ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị HI-3	1/500	phường Hàng Bột, Quốc Tử Giám, quận Đống Đa	Đống Đa	27,67	UBND quận Đống Đa	2024	2025	Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT	Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.9	TKĐT khu quy hoạch H (diện tích khoảng 76,05ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị HI-3	1/500	Phường Thố Quan, Khâm Thiên, Trung Phụng, Phường Liên, quận Đống Đa	Đống Đa	76,05	UBND quận Đống Đa	2024	2025	Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT	Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.10	TKĐT khu quy hoạch I (diện tích khoảng 82,99ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị HI-3	1/500	Phường Nam Đồng, Trung Tự, Quang Trung, quận Đống Đa	Đống Đa	82,99	UBND quận Đống Đa	2024	2025	Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT	Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.11	TKĐT khu quy hoạch J (diện tích khoảng 52,70ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị HI-3	1/500	Phường Khương Thượng, Ngã Tư Sở, quận Đống Đa	Đống Đa	52,70	UBND quận Đống Đa	2025	2025	Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT	Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
I.4.12	TKĐT khu quy hoạch K (diện tích khoảng 111,29ha) trong đó án Quy hoạch phân khu đồ thị H1-3	1/500	Phường Kim Liên, Phường Mai, quận Đống Đa	Đống Đa	111,29	UBND quận Đống Đa	2025	2025	Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT để xuất chuyển sang TKĐT	Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.13	TKĐT hai bên tuyến đường Vành đai 1 (đoạn Hoàng Cầu - Láng Hạ)	1/500	Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa	Đống Đa	6,70	UBND quận Đống Đa	2021	2022		Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.14	TKĐT hai bên tuyến đường Phương Mai - Sông Lừ	1/500	Phường Phương Mai, Khương Thượng, quận Đống Đa	Đống Đa	2,20	UBND quận Đống Đa	2021	2022		Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.15	TKĐT hai bên tuyến đường Phan Văn Trị - ga Hà Nội.	1/500	quận Đống Đa	Đống Đa	3,40	UBND quận Đống Đa	2021	2022		Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.16	TKĐT hai bên tuyến đường Chùa Bộc	1/500	phường Quang Trung, quận Đống Đa	Đống Đa	4,50	UBND quận Đống Đa	2021	2022		Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa
I.4.17	TKĐT riêng tuyến phố Hàng Đào - Hàng Ngang - Hàng Đường - Đồng Xuân - Nguyễn Thiện Thuật - Cao Thắng - Hàng Khoai - Hàng Giấy	1/500	Khu phố cổ Hà Nội	Hoàn Kiếm	11,30	UBND quận Hoàn Kiếm	2022	2024		Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm
I.4.18	TKĐT riêng tuyến phố Hàng Lược - Chai Cá - Hàng Cẩn - Lương Văn Can	1/500	Khu phố cổ Hà Nội	Hoàn Kiếm	7,8	UBND quận Hoàn Kiếm	2022	2024		Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm
I.4.19	TKĐT riêng tuyến phố Đinh Bồng - Hàng Gai - Cầu Gỗ	1/500	Khu liên kế phố cổ - phố cũ quận Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	12,00	UBND quận Hoàn Kiếm	2022	2024		Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm
I.4.20	TKĐT riêng tuyến phố Đinh Tiên Hoàng - Quảng trường Đồng kinh nghĩa thực - Lê Thái Tổ	1/500	Xung quanh hồ Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	21,7	UBND quận Hoàn Kiếm	2023	2024		Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm
I.4.21	TKĐT riêng tuyến phố Lý Thái Tổ - Quảng trường Ngân hàng Nhà nước	1/500	Khu phố cũ quận Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	12,00	UBND quận Hoàn Kiếm	2023	2024		Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm
I.4.22	TKĐT riêng tuyến phố Nhà Chung - trước Nhà thờ lớn - Lý Quốc Sư	1/500	Khu phố cũ quận Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	6,00	UBND quận Hoàn Kiếm	2024	2025		Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
I.4.23	TKĐT riêng tuyến phố Trang Tiên (bao gồm cả Quảng trường Cách mạng Tháng Tám) - Hàng Khai - Tráng Thị - Nút giao Cửa Nam	1/500	Khu Hồ Gươm và phụ cận	Hoàn Kiếm	28,00	UBND quận Hoàn Kiếm	2024	2025		Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm
I.4.24	TKĐT riêng tuyến phố Hai Bà Trưng	1/500	Khu phố cũ quận Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	29,5	UBND quận Hoàn Kiếm	2024	2025		Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm
I.4.25	TKĐT riêng tuyến phố Trần Hưng Đạo - Nút giao thông Trần Hưng Đạo - Lê Thánh Tông	1/500	Khu phố cũ quận Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	45,2	UBND quận Hoàn Kiếm	2024	2025		Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm
I.4.26	TKĐT tuyến đường phía Đông Trung tâm hành chính quận Hoàng Mai với mặt cắt rộng 30 m điểm đầu nút giao đường Vành đai 3 điểm cuối đường Tam Trinh quy mô khoảng 2.400 m	1/500	phường Thịnh Liệt, Yên Sở	Hoàng Mai	2,4km	UBND quận Hoàng Mai	Quý I/2022	Quý IV/2022		Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai
I.4.27	TKĐT tuyến đường từ đường Giải Phóng thông đến đường phía Đông trung tâm hành chính quận Hoàng Mai với mặt cắt rộng 30 m quy mô khoảng 850 m	1/500	phường Thịnh Liệt	Hoàng Mai	0,85 km	UBND quận Hoàng Mai	2025	2030		Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai
I.4.28	TKĐT Hai bên bờ Ngòi Tung Kê (kênh Cầu Trích)	1/500	Phường Tây Mỗ, Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	25,00	UBND Quận Nam Từ Liêm	2022	2023-2024		Công văn số 2148/UBND-QLĐT ngày 24/8/2021 của UBND quận Nam Từ Liêm
I.4.29	TKĐT khu vực xung quanh Thành cổ Sơn Tây	1/500	Phường Lê Lợi - thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội	Sơn Tây	4,00	UBND thị xã Sơn Tây	2023	2024	Đồ án đề xuất mới	Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây
I.4.30	TKĐT các khu dân cư làng xóm hiện có, cải tạo chỉnh trang, các khu vực hai bên tuyến đường giao thông	1/500	Thành phố Hà Nội		Xác định trong quá trình thực hiện	UBND các quận	2021	2025	Xem xét cụ thể từng khu vực đề xuất lập TKĐT trong quá trình triển khai thực hiện	Triển khai theo Chương trình số 05-CT/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
I.4.31	Thiết kế đô thị trong khu vực nội đô lịch sử (nghiên cứu thực hiện thi tuyển phương án)	1/500	các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Tây Hồ, Đống Đa, Hai Bà Trưng			Xem xét trong quá trình thực hiện	2021	2022	Triển khai theo Chương trình số 05-CT/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy	
I.4.33	TKĐT khu vực Hồ Tây (A6) và phụ cận	1/500	Quận Tây Hồ và phụ cận		Xác định trong quá trình thực hiện	Xem xét trong quá trình thực hiện	2022	2025	Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất	
I.4.34	Rà soát, lập TKĐT các tuyến đường chính tại các khu vực phát triển đô thị	1/500	Thành phố Hà Nội		Xác định trong quá trình thực hiện	Xem xét trong quá trình thực hiện	2022	2025	Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất	
II. QUY HOẠCH XÂY DỰNG (theo Luật Xây dựng)										
II.1. Quy hoạch xây dựng vùng										
II.1.1	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thượng Tin	1/25000	Huyện Thượng Tin		Thượng Tin	2021-2022	2021	2022	UBND Thành phố cho phép thực hiện tại Công văn số 243/UBND-ĐT ngày 21/01/2021	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)
II.1.2	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Xuyên	1/25000	Huyện Phú Xuyên		Phú Xuyên	2021-2022	2021	2022	UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)
II.1.3	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thất	1/25.000	huyện Thạch Thất		Thạch Thất	2021-2022	2021	2022	UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)
II.1.4	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quốc Oai	1/25.000	Huyện Quốc Oai		Quốc Oai	2021-2022	2021	2022	UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)
II.1.5	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mỹ Đức	1/25.000	Huyện Mỹ Đức		Mỹ Đức	2021-2022	2021	2022	UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)
II.1.6	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mê Linh	1/25.000	Huyện Mê Linh		Mê Linh	2021-2022	2021	2022	UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)
II.1.7	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sóc Sơn	1/25.000	Huyện Sóc Sơn		Sóc Sơn	2021-2022	2021	2022	UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)
II.1.8	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Oai	1/25.000	Huyện Thanh Oai		Thanh Oai	2021-2022	2021	2022	UBND Thành phố cho phép thực hiện tại Công văn số 268/UBND-ĐT ngày 22/01/2021	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)
II.1.9	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phúc Thọ	1/25.000	Huyện Phúc Thọ		Phúc Thọ	2021-2022	2021	2022	UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Chi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
II.1.10	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ứng Hòa	1/25.000	Huyện Ứng Hòa	Ứng Hòa		2021-2022	2021	2022	UBND Thành phố cho phép thực hiện tại Công văn số 5741/UBND-ĐT ngày 09/12/2020	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)
II.1.11	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Vì	1/25.000	Huyện Ba Vì	Ba Vì		UBND huyện Ba Vì	2021	2022	UBND Thành phố cho phép thực hiện tại Công văn số 10051/VP-ĐT ngày 18/11/2020	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)
II.1.12	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chương Mỹ	1/25.000	Huyện Chương Mỹ	Chương Mỹ		2021-2022	2021	2022	UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)
II.1.13	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đan Phượng	1/25.000	Huyện Đan Phượng	Đan Phượng	7882,82	2021-2022	Quý II/2021	Quý III/2021	UBND Thành phố cho phép thực hiện tại Công văn số 1612/VP-ĐT ngày 03/3/2021	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)
II.1.14	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lâm	1/25.000	Huyện Gia Lâm	Gia Lâm		2021-2022	2021	2022	UBND Thành phố cho phép thực hiện tại Công văn số 2699/UBND-ĐT ngày 26/6/2020	Sở QHKT cấp nhất trong kế hoạch (nội dung đang triển khai)
II.2 Quy hoạch phân khu khu chức năng										
II.2.1	QHPK xây dựng khu chức năng Khu vực hồ Xuân Khanh và vùng phụ cận	1/2000	Thị xã Sơn Tây, huyện Ba Vì - TP Hà Nội	Nhiều địa bàn	917,00	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp	2021	2022	Đồ án đề xuất mới. Thực hiện theo chỉ đạo của PCT UBND thành phố tại Văn bản số 4484/VP-ĐT ngày 14/5/2021.	Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây
II.2.2	QHPK xây dựng Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội	1/2000	Phường Tây Tựu, Liên Mạc, Minh Khai, Thụy Phương, Cổ Nhuế 2	Bắc Từ Liêm	204,00	UBND quận Bắc Từ Liêm (*)	2022	2023	Thông báo số 213/TB-VP ngày 12/4/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về kết luận của đồng chí Phó chủ tịch Nguyễn Mạnh Quyền tại cuộc họp xem xét thảo luận khó khăn, thúc đẩy tiến độ thực hiện Dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội tại quận Bắc Từ Liêm	Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm
II.2.3	QHPK Khu du lịch sinh thái Đá Chông - Thuận Mỹ	1/2000	Thuần Mỹ	Ba Vì	60,00	UBND huyện Ba Vì	2023	2025	Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch	Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vì
II.2.4	QHPK khu du lịch Thiên Sơn suối Nga (phần dưới cốt 100 núi Ba Vì)	1/2000	Vân Hòa	Ba Vì	200,00	UBND huyện Ba Vì	2023	2025	Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch	Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vì
II.2.5	QHPK khu du lịch sườn Tây núi Ba Vì (phần dưới cốt 100)	1/2000	Minh Quang	Ba Vì	300,00	UBND huyện Ba Vì	2023	2025	Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch	Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vì
II.2.6	QHPK khu du lịch Tây Nam núi Ba Vì (phần dưới cốt 100 núi Ba Vì)	1/2000	Khánh Thương	Ba Vì	190,00	UBND huyện Ba Vì	2023	2025	Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch	Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vì

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
II.2.7	QHPK khu du lịch Đông Nam núi Ba Vi	1/2000	Xã Yên Bái	Ba Vi	350,00	UBND huyện Ba Vi	2023	2025	Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch	Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vi
II.2.8	QHPK khu du lịch hồ Cẩm Quý	1/2000	Xã Cẩm Lĩnh, Ba Trại	Ba Vi	249,00	UBND huyện Ba Vi	2023	2025	Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch	Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vi
II.2.9	QHPK khu du lịch Khoang Xanh (phần dưới cốt 100 núi Ba Vi)	1/2000	Xã Vân Hòa	Ba Vi	200,00	UBND huyện Ba Vi	2023	2025	Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch	Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vi
II.2.10	QHPK khu du lịch Ao Vua (phần dưới cốt 100 núi Ba Vi)	1/2000	Xã Tân Lĩnh	Ba Vi	180,00	UBND huyện Ba Vi	2023	2025	Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch	Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vi
II.2.11	QHPK khu du lịch Đầm Long.	1/2000	Xã Cẩm Lĩnh	Ba Vi	400,00	UBND huyện Ba Vi	2023	2025	Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch	Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vi
II.2.12	QHPK xây dựng các khu chức năng du lịch Ba Vi - Suối Hải	1/2000	Xã Cẩm Lĩnh, Ba Trại	Ba Vi	1500,00	UBND huyện Ba Vi	2023	2025	Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch	Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vi
II.2.13	QHPK xây dựng khu chức năng Khu vực phía đông Làng văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam	1/2000	Xã Sơn Đông - Thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội	Sơn Tây	345,00	UBND thị xã Sơn Tây	2021	2022	Đồ án đề xuất mới. Thực hiện theo chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tại Văn bản số 4484/VP-ĐT ngày 14/5/2021.	Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây
II.2.14	QHPK xây dựng khu chức năng nghiên cứu đảo tạo giáo dục-y tế huyện Đan Phượng tỷ lệ 1/2000	1/500	Xã Phương Đình, Đan Phượng, Thị trấn Phùng	Đan Phượng	350,00	UBND huyện Đan Phượng	Quý II/2022	Quý II/2023	Đã được phê duyệt quy hoạch tỷ lệ 1/2000 khu y tế và giáo dục tập chung. Ký hiệu X5 (bản vẽ xác định vị trí kern theo)	Công văn số 1633/UBND-QLĐT ngày 01/10/2021 của UBND huyện Đan Phượng
II.2.15	QHPK xây dựng khu du lịch Thác Bạc Suối Sao	1/2.000-1/5.000	Xã Yên Trung, Yên Bình, huyện Thạch Thất	Thạch Thất		Xem xét trong quá trình thực hiện	Theo tiến độ thực tế (thành phố đã có chỉ đạo về thực hiện quy hoạch này)		VB số 7496/VP-ĐT ngày 03/9/2020 của văn phòng UBNDTP	
II.2.16	QHPK xây dựng khu du lịch sinh thái Khu vực phía Bắc núi Viên Nam	1/2.000-1/5.000	Xã Yên Trung, Yên Bình, huyện Thạch Thất	Thạch Thất		Xem xét trong quá trình thực hiện	Theo tiến độ thực tế (thành phố đã có chỉ đạo về thực hiện quy hoạch này)		VB số 7496/VP-ĐT ngày 03/9/2020 của văn phòng UBNDTP	

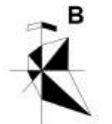
Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện		Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
II.2.17	Quy hoạch phân khu xây dựng một số khu chức năng du lịch tại Sơn Tây, Sóc Sơn, Thạch Thất,...	1/2.000- 1/5.000	Các huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội	Quận/huyện	UBND các huyện, thị xã	2021	2025		Triển khai theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy
II.2.18	Quy hoạch phân khu xây dựng một số khu chức năng giáo dục - y tế, nghiên cứu đào tạo, công nghiệp,...	1/2.000- 1/5.000	Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội	Quận/huyện	UBND các huyện, thị xã	2021	2025		Triển khai theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy
II.3 Quy hoạch chỉ dẫn khu chức năng									
II.3.1	QHCT các khu du lịch huyện Ba Vì	1/500	huyện Ba Vì	Ba Vì	UBND huyện Ba Vì; các đơn vị được giao chủ đầu tư	2023	2025		Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vì
II.3.2	QHCT chợ đầu mối xã Cam Thượng	1/500	Xã Cam Thượng	Ba Vì	UBND huyện Ba Vì	2023	2024		Công văn số 2725/UBND-QLĐT ngày 22/10/2021 của UBND huyện Ba Vì <i>(lần bản bổ sung)</i>
II.3.3	QH mở rộng cum công nghiệp Đồng Giai	1/500	Xã Vật Lại	Ba Vì	UBND huyện Ba Vì	2023	2024	Mở rộng thêm 40ha	Công văn số 2725/UBND-QLĐT ngày 22/10/2021 của UBND huyện Ba Vì <i>(lần bản bổ sung)</i>
II.3.4	QHCT tỷ lệ 1/500 công viên cây xanh hồ điều hòa thuộc ở quy hoạch VII.4.2 và VII.5.2 phân khu đô thị N7	1/500	xã Uy Nỗ, xã Việt Hưng	Đông Anh	UBND huyện Đông Anh	2022	2023		Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
II.3.5	QHCT tỷ lệ 1/500 khu chức năng đô thị, công cộng thành phố thuộc ở quy hoạch VII.2.3 phân khu đô thị N7	1/500	xã Tiên Dương	Đông Anh	UBND huyện Đông Anh	2022	2023		Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
II.3.6	QHCT tỷ lệ 1/500 khu cây xanh thể dục thể thao kết hợp công cộng thành phố thuộc ở QH VII.2.4; VII.2.6; VII.3.3; VII.3.4, phân khu đô thị N7)	1/500	xã Tiên Dương	Đông Anh	UBND huyện Đông Anh	2022	2023		Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
II.3.7	QHCT tỷ lệ 1/500 dự án: Xây dựng HTKT khu cây xanh thể dục thể thao thuộc Ở Quy hoạch V.2.8 phân khu đô thị N5	1/500	xã Tiên Dương	Đông Anh	UBND huyện Đông Anh	2022	2023		Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Ghi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
II.3.8	QHCT tỷ lệ 1/500 cây xanh thể dục thể thao thuộc ô quy hoạch V.3.1 phần khu đô thị N5	1/500	xã Nguyễn Khê	Đông Anh	22,80	UBND huyện Đông Anh	2022	2023		Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
II.3.9	QHCT tỷ lệ 1/500 cây xanh thể dục thể thao thuộc ô quy hoạch 2-1, 2-2, 2-3 phần khu đô thị GNB	1/500	xã Uy Nỗ, Việt Hưng và Xuân Nộn	Đông Anh	100,00	UBND huyện Đông Anh	2022	2023		Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh
II.3.10	QHCT các khu vực công viên, cây xanh tại các khu vực phát triển đô thị	1/500	Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội		Xác định trong quá trình thực hiện	Xác định trong quá trình thực hiện	2021	2025	Cấp thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định việc lập quy hoạch trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo, đánh giá sự cần thiết	Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất

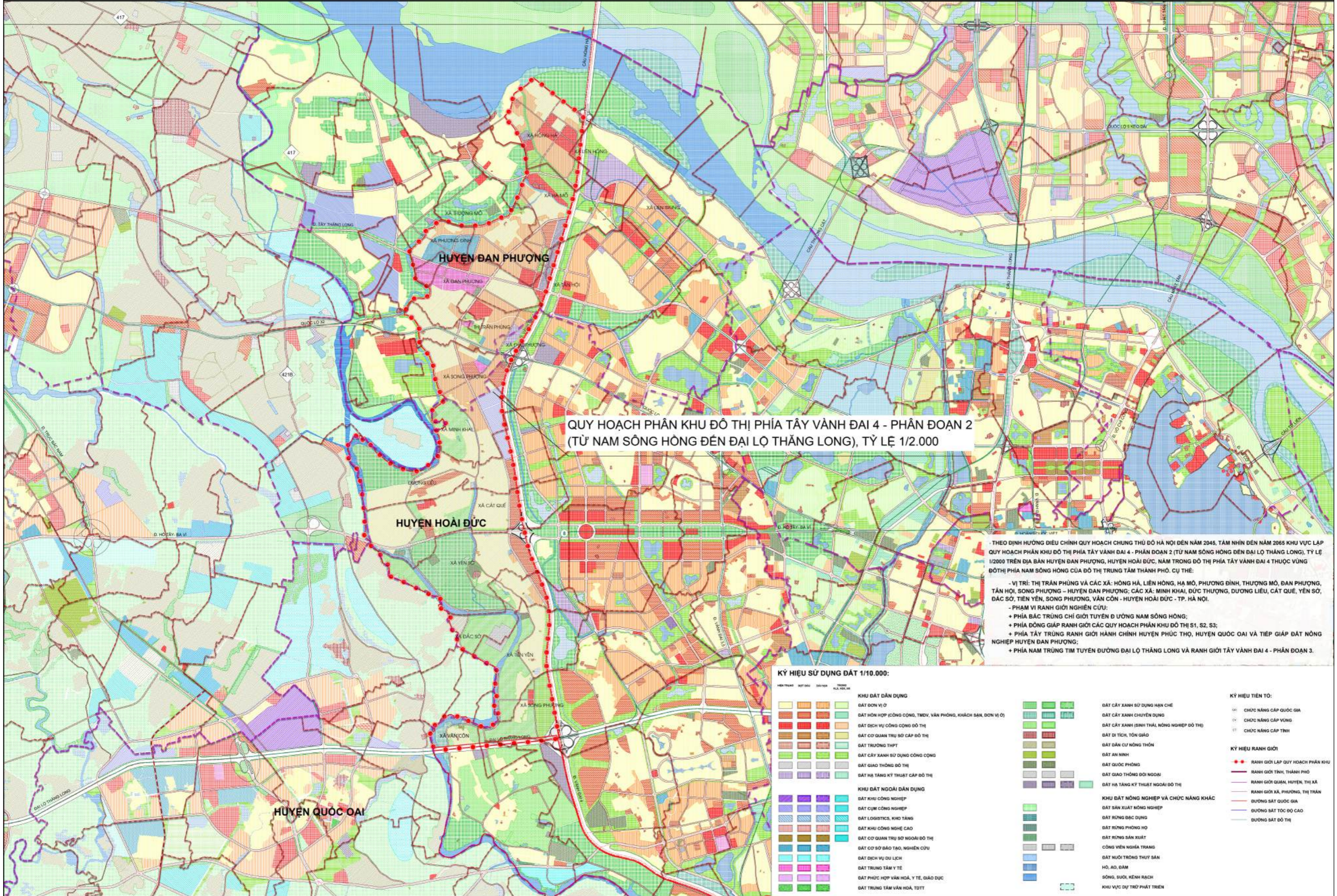
STT (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Chi chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
II.4 Quy hoạch chung xây dựng xã										
II.4.1	Lập quy hoạch chung xây dựng các xã sau khi các quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt.	1/5.000	Các xã thuộc các huyện trên địa bàn thành phố.		Xác định trong quá trình thực hiện	UBND các huyện, xã	Theo tiến độ thực tế		UBND các huyện, xã xem xét sự cần thiết, tổ chức lập các quy hoạch chung xây dựng xã sau khi các quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất
II.5 Quy hoạch chi tiết trung tâm xã, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn										
II.5.1	Lập quy hoạch chi tiết các trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch chung xây dựng các xã được duyệt.	1/500	Các xã thuộc các huyện trên địa bàn thành phố.		Xác định trong quá trình thực hiện	UBND các huyện, xã	Theo tiến độ thực tế		UBND các huyện, xã xem xét sự cần thiết, tổ chức lập các quy hoạch chi tiết trung tâm xã, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn sau khi các quy hoạch chung xây dựng xã được duyệt.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất
III. QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC, DANH MỤC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC CÓ GIÁ TRỊ (theo Luật Kiến trúc)										
III.1	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị và nông thôn theo quy định của Luật Kiến trúc		Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội			Sở QHKT; UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan	2022	2025	Sở QHKT đã có văn bản số 5136/QHKT-KHHT ngày 12/11/2021 báo cáo UBND Thành phố. Tổ chức thực hiện sau khi có ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố	Triển khai theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy
III.2	Xây dựng Danh mục công trình kiến trúc có giá trị		Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội			Sở QHKT; UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan	2022	2025		Triển khai theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy
IV. CÁC QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT										
IV.1	Rà soát Điều chỉnh Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội			Sở Giao thông vận tải	2021	2022		Triển khai theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy
IV.2	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		Các huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội			Sở Xây dựng	2021	-		Triển khai theo Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy
IV.3	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật		Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội			Sở Xây dựng	2021	2022		Triển khai theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy
IV.4	QH các khu nghĩa trang tập trung		Các huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội		Xác định trong quá trình thực hiện	Xác định trong quá trình thực hiện	2021	2025	Cấp thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định việc lập quy hoạch trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo, đánh giá sự cần thiết	Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất

Stt (1)	Tên đồ án, quy chế... (2)	Tỷ lệ (3)	Địa điểm (4)		Quy mô (5)	Đơn vị tổ chức thực hiện (6)	Thời gian thực hiện (8)		Chí chú (9)	Văn bản đề xuất của đơn vị (10)
			Phường/xã	Quận/huyện			Bắt đầu (7)	Dự kiến hoàn thành (8)		
IV.5	QH các khu tiếp nhận, xử lý rác tập trung của Thành phố		Các huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội	Quận/huyện	Xác định trong quá trình thực hiện	Xác định trong quá trình thực hiện	2021	2025	Cấp thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định việc lập quy hoạch trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo, đánh giá sự cần thiết	Sơ Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất

PHẦN BẢN VẼ



BẢN ĐỒ RANH GIỚI NGHIÊN CỨU, PHẠM VI KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH PHÂN KHU



QUY HOẠCH PHÂN KHU ĐÔ THỊ PHÍA TÂY VÀNH ĐAI 4 - PHÂN ĐOẠN 2 (TỪ NAM SÔNG HỒNG ĐẾN ĐẠI LỘ THĂNG LONG), TỶ LỆ 1/2.000

THEO ĐỊNH HƯỚNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2045, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2065 KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH PHÂN KHU ĐÔ THỊ PHÍA TÂY VÀNH ĐAI 4 - PHÂN ĐOẠN 2 (TỪ NAM SÔNG HỒNG ĐẾN ĐẠI LỘ THĂNG LONG), TỶ LỆ 1/2000 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐÀN PHƯỢNG, HUYỆN HOÀI ĐỨC, NAM TRONG ĐÓ THỊ PHÍA TÂY VÀNH ĐAI 4 THUỘC VÙNG ĐÔ THỊ PHÍA NAM SÔNG HỒNG CỦA ĐÔ THỊ TRUNG TÂM THÀNH PHỐ. CỤ THỂ:

- VỊ TRÍ: THỊ TRẤN PHÙNG VÀ CÁC XÃ: HỒNG HÀ, LIÊN HỒNG, HẠ MỠ, PHƯƠNG ĐÌNH, THƯỢNG MỠ, ĐÀN PHƯỢNG, TÂN HỘI, SONG PHƯỢNG - HUYỆN ĐÀN PHƯỢNG; CÁC XÃ: MINH KHAI, ĐỨC THƯỢNG, DƯƠNG LIÊU, CÁT QUÊ, YÊN SỞ, ĐẮC SỞ, TIỀN YÊN, SONG PHƯƠNG, VÂN CÔN - HUYỆN HOÀI ĐỨC - TP. HÀ NỘI.
- PHẠM VI RANH GIỚI NGHIÊN CỨU:
 - + PHÍA BẮC TRÙNG CHỈ GIỚI TUYẾN ĐƯỜNG NAM SÔNG HỒNG;
 - + PHÍA ĐÔNG GIÁP RANH GIỚI CÁC QUY HOẠCH PHÂN KHU ĐÔ THỊ S1, S2, S3;
 - + PHÍA TÂY TRÙNG RANH GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN PHÚC THỌ, HUYỆN QUỐC OAI VÀ TIẾP GIÁP ĐẤT NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐÀN PHƯỢNG;
 - + PHÍA NAM TRÙNG TỈM TUYẾN ĐƯỜNG ĐẠI LỘ THĂNG LONG VÀ RANH GIỚI TÂY VÀNH ĐAI 4 - PHÂN ĐOẠN 3.

KÝ HIỆU SỬ DỤNG ĐẤT 1/10.000:

HÌNH THẠCH	MÔ TẢ	CHỨC NĂNG	TRONG HẸM, HẸM LỚN
[Color swatches]	KHU ĐẤT DÂN DỤNG		
[Color swatches]	ĐẤT ĐƠN VỊ Ở		
[Color swatches]	ĐẤT HỘM HỘP CÔNG CỘNG, TMDV, VĂN PHÒNG, KHÁCH SẠN, ĐƠN VỊ Ồ		
[Color swatches]	ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ		
[Color swatches]	ĐẤT CƠ QUAN TRƯ SỞ CẤP ĐÔ THỊ		
[Color swatches]	ĐẤT TRƯỜNG THPT		
[Color swatches]	ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG		
[Color swatches]	ĐẤT GIAO THÔNG ĐÔ THỊ		
[Color swatches]	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT CẤP ĐÔ THỊ		
[Color swatches]	KHU ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG		
[Color swatches]	ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP		
[Color swatches]	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP		
[Color swatches]	ĐẤT LOGISTICS, KHO TÀNG		
[Color swatches]	ĐẤT KHU CÔNG NGHỆ CAO		
[Color swatches]	ĐẤT CƠ QUAN TRƯ SỞ NGOÀI ĐÔ THỊ		
[Color swatches]	ĐẤT CƠ SỞ BẢO TÀO, NGHIÊN CỨU		
[Color swatches]	ĐẤT DỊCH VỤ DU LỊCH		
[Color swatches]	ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ		
[Color swatches]	ĐẤT PHỨC HỢP VĂN HÓA, Y TẾ, GIÁO DỤC		
[Color swatches]	ĐẤT TRUNG TÂM VĂN HÓA, TDTT		
[Color swatches]	KHU ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ CHỨC NĂNG KHÁC		
[Color swatches]	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP		
[Color swatches]	ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG		
[Color swatches]	ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ		
[Color swatches]	ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT		
[Color swatches]	CÔNG VIÊN NGHĨA TRANG		
[Color swatches]	ĐẤT MƯỚI TRỒNG THỦY SẢN		
[Color swatches]	HỒ, AO, ĐÀM		
[Color swatches]	SÔNG, ĐUÔI, KÊNH RẠCH		
[Color swatches]	KHU VỰC DỰ THỊ PHÁT TRIỂN		

KÝ HIỆU TIỀN TỶ:

- ☐ CHỨC NĂNG CẤP QUỐC GIA
- ☐ CHỨC NĂNG CẤP VÙNG
- ☐ CHỨC NĂNG CẤP THỊ

KÝ HIỆU RANH GIỚI:

- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH PHÂN KHU
- RANH GIỚI TRÊN, THÀNH PHỐ
- RANH GIỚI QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ
- RANH GIỚI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
- ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA
- ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO
- ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ